

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG  
KHOA SƯ PHẠM XÃ HỘI



BÀI GIẢNG HỌC PHẦN  
**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**  
**Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
**(HỆ CDSP – ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN THCS)**

GIẢNG VIÊN: NGÔ THỊ KIM NGỌC  
TỔ BỘ MÔN: TÂM LÝ – GIÁO DỤC

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Quảng Ngãi, năm 2013

## LỜI NÓI ĐẦU

Hoạt động giáo dục ở trường trung học cơ sở là môn học cơ bản trong chương trình đào tạo giáo viên trung học cơ sở, giúp sinh viên có được hệ thống tri thức cần thiết hướng dẫn kỹ năng tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục trong thực tiễn.

Để hỗ trợ việc học tập của sinh viên cao đẳng sư phạm hệ đào tạo giáo viên trung học cơ sở, Tổ Tâm lý – Giáo dục, trường Đại học Phạm Văn Đồng biên soạn bài giảng Hoạt động giáo dục ở trường trung học cơ sở gồm ba chương:

**Chương 1.** Những vấn đề cơ bản của lí luận giáo dục.

**Chương 2.** Nội dung giáo dục ở trường trung học cơ sở.

**Chương 3.** Người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học cơ sở.

Trên cơ sở kế thừa chương trình Lí luận giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, tác giả cập nhật và điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, đáp ứng phần nào yêu cầu của thực tiễn giáo dục trường Đại học Phạm Văn Đồng và sự mong đợi của các bạn sinh viên sư phạm.

Bài giảng được trình bày một cách hệ thống, ngắn gọn, rõ ràng các nội dung cơ bản về quá trình giáo dục ở trường trung học cơ sở và sau mỗi chương có mục câu hỏi ôn tập, thảo luận, thực hành... giúp sinh viên thuận lợi trong quá trình nắm bắt tri thức lí thuyết và luyện tập kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh trung học cơ sở.

Trong quá trình biên soạn, mặc dù đã cố gắng, song không thể tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong các thầy cô và các anh chị em sinh viên góp ý để bài giảng ngày một hoàn thiện hơn.

## Chương 1

# NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LÝ LUẬN GIÁO DỤC

### 1.1. Quá trình giáo dục (QTGD)

#### 1.1.1. Khái niệm quá trình giáo dục

Với tư cách là đối tượng của giáo dục học, quá trình giáo dục tổng thể (quá trình sư phạm tổng thể) là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, có phương pháp khoa học của nhà giáo dục đến đối tượng giáo dục nhằm hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho họ, đáp ứng yêu cầu của xã hội và thời đại.

Quá trình giáo dục tổng thể bao gồm hai quá trình bộ phận thống nhất với nhau: quá trình dạy học và quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp). Các quá trình này đều thực hiện mục tiêu chung là hướng đến hình thành nhân cách toàn diện. Song, mỗi quá trình lại có những chức năng trội riêng. Nếu quá trình dạy học có chức năng chủ yếu là giúp học sinh nắm vững kiến thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo tương ứng và phát triển trí tuệ thì quá trình giáo dục (theo nghĩa hẹp) có chức năng giúp học sinh nhận thức đúng về các yêu cầu của xã hội, hình thành niềm tin, thái độ, hành vi và thói quen phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Trong nhà trường, dạy kiến thức khoa học luôn đi đôi với giáo dục phẩm chất nhân cách, “dạy chữ” gắn liền với “dạy người”. Chất lượng giáo dục phổ thông hiện nay lấy hai tiêu chí cơ bản làm thước đo đó là: học lực và hạnh kiểm của học sinh.

Trong học phần này, QTGD được hiểu theo nghĩa hẹp, là bộ phận của quá trình sư phạm tổng thể, trong đó dưới tác động chủ đạo của nhà giáo dục, hình thành cho người được giáo dục những phẩm chất nhân cách phù hợp với yêu cầu của xã hội.

Như vậy, quá trình giáo dục có hai mặt tương tác biện chứng với nhau, đó là những tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục và sự hưởng ứng tích cực của các đối tượng giáo dục trước các tác động đó. Những tác động giáo dục được thực hiện phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và hoàn cảnh khách quan sẽ được chuyển hóa thành tâm lý, ý thức, hành vi, hình thành những phẩm chất nhân cách tốt đẹp ở các đối tượng giáo dục.

⇒ **Tóm lại:** Giáo dục là quá trình tác động có mục đích, có hệ thống của nhà giáo dục đến các đối tượng giáo dục, thông qua việc tổ chức các hoạt động đa dạng, với những nội dung và phương pháp phù hợp nhằm hình thành những phẩm chất của người công dân theo yêu cầu của xã hội và thời đại.

### **1.1.2. Các thành tố của quá trình giáo dục**

Quá trình giáo dục (QTGD) là một chỉnh thể có cấu trúc gồm nhiều thành tố:

#### **1.1.2.1. Mục đích giáo dục**

Mục đích giáo dục về thực chất là sự định hướng của thế hệ trước đối với thế hệ sau, mong muốn thế hệ trẻ nhanh chóng tiếp thu tinh hoa của dân tộc và nhân loại để trở thành những công dân tốt, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội. Mục đích giáo dục có tính lịch sử, luôn biến đổi cùng với sự phát triển của xã hội và thời đại.

Ở bình diện xã hội, mục đích giáo dục là đào tạo một thế hệ công dân mới có những phẩm chất đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Ở bình diện cá nhân, mục đích giáo dục là hình thành cho học sinh ý thức, thái độ sống tích cực, hòa nhập cộng đồng, biết phấn đấu vươn lên tự khẳng định mình.

Từ mục đích giáo dục xã hội, các nhà giáo dục cụ thể hóa thành mục tiêu giáo dục của nhà trường, của gia đình, của các đoàn thể theo từng cấp học, từng lứa tuổi. Mục tiêu của các nhà trường phổ thông là giúp học sinh phấn đấu trở thành con ngoan, trò giỏi, bạn tốt và là những công dân có ích trong tương lai.

Mục đích giáo dục giữ vai trò định hướng và chi phối toàn bộ các hoạt động giáo dục. Vấn đề đặt ra đối với các nhà giáo dục không chỉ là xác định đúng mục đích giáo dục mà cần phải tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng để đạt được mục đích đã đề ra

#### **1.1.2.2. Nội dung giáo dục**

Nội dung giáo dục là hệ thống tri thức về các giá trị văn hóa xã hội mà các đối tượng giáo dục cần phải nắm vững để biến nó thành ý thức, thái độ và hành vi cá nhân.

Nội dung giáo dục trong nhà trường được thiết kế theo mục đích giáo dục xã hội và được chi tiết hóa thành từng mặt giáo dục: trí, đức, thể, mỹ, lao động – kĩ thuật, môi trường, dân số... phù hợp với trình độ, lứa tuổi và tình huống cụ thể.

Nội dung giáo dục luôn được thay đổi, cải cách cho phù hợp với yêu cầu khách quan của xã hội và thời đại. Nội dung giáo dục qui định nội dung hoạt động của nhà giáo dục và đối tượng giáo dục.

#### 1.1.2.3. Phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục là hệ thống những cách thức tác động của nhà giáo dục đến các đối tượng giáo dục nhằm giúp họ chuyển hóa các yêu cầu, chuẩn mực xã hội thành hành vi và thói quen ứng xử văn hóa. Như vậy, phương pháp giáo dục thực chất là cách thức tổ chức các hoạt động trong cuộc sống hàng ngày cho học sinh.

Phương pháp giáo dục chịu sự qui định của mục đích, nội dung giáo dục cũng như các điều kiện, hoàn cảnh nhất định. Tuy vậy, phương pháp giáo dục cũng có tính độc lập tương đối, giữ vai trò quan trọng, ảnh hưởng đến thành bại của QTGD.

Phương pháp giáo dục rất đa dạng, một phương pháp không thể thành công cho mọi đối tượng. Do đó, không có “mẫu chung” cho mọi trường hợp.

#### 1.1.2.4. Nhà giáo dục

Nhà giáo dục là chủ thể của các tác động giáo dục. Nhà giáo dục trong nhà trường là thầy cô giáo, tập thể sư phạm, trong gia đình là cha mẹ, ông bà học sinh và trong xã hội là các cán bộ đoàn thể, người lớn và các mối quan hệ khác.

Nhà giáo dục đóng vai trò chủ đạo, dẫn dắt sự hình thành và phát triển phẩm chất nhân cách học sinh theo mục tiêu đã đề ra. Vai trò đó được thể hiện cụ thể như sau:

- Quán triệt mục đích giáo dục và định hướng sự phát triển nhân cách học sinh theo mục đích giáo dục của Đảng, Nhà nước và mục tiêu giáo dục của nhà trường.
- Lập kế hoạch giáo dục, lựa chọn nội dung, phương pháp tổ chức giáo dục, đồng thời kiểm tra, đánh giá và giúp học sinh tự kiểm tra đánh giá kết quả quá trình giáo dục
- Phối hợp tác động giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường, tạo mọi điều kiện thuận lợi để giáo dục hiệu quả, phát huy ý thức tự giáo dục của học sinh.

#### 1.1.2.5. Đối tượng giáo dục

Đối tượng giáo dục là cá nhân hay tập thể học sinh được thụ hưởng các tác động giáo dục. Học sinh vừa là khách thể, vừa là chủ thể của quá trình giáo dục.

Với tư cách là khách thể, học sinh luôn nhận sự tác động có định hướng, có kế hoạch của nhà giáo dục. Với tư cách là chủ thể, học sinh tiếp nhận các tác động một cách chọn lọc qua lăng kính chủ quan của mình để biến các yêu cầu giáo dục bên ngoài thành nhu cầu tự giáo dục bên trong của bản thân. Tức là khi đứng trước các tác động giáo dục, học sinh tiếp nhận nó theo nhu cầu, ý thức và khả năng riêng một cách tự giác, chủ động, không phụ thuộc hoàn toàn vào nhà giáo dục.

Chất lượng của quá trình giáo dục chủ yếu phụ thuộc vào trình độ nhận thức, ý thức tự giác, tích cực, năng động trong học tập và tu dưỡng của học sinh. Vì vậy, quá trình giáo dục phải thống nhất biện chứng giữa vai trò chủ đạo của nhà giáo dục và vai trò chủ động, sáng tạo của học sinh. Nhà giáo dục phải “lấy học sinh làm trung tâm”, có phương pháp tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích học sinh biết tự giáo dục.

#### 1.1.2.6. Môi trường giáo dục

Môi trường giáo dục là nơi sống và hoạt động của các đối tượng giáo dục, bao gồm toàn bộ các yếu tố diễn ra xung quanh chúng từ gia đình, nhà trường và xã hội.

Môi trường một mặt đề ra yêu cầu đối với quá trình giáo dục, mặt khác là điều kiện chi phối sự phát triển của từng thành tố giáo dục.

Tất cả mối quan hệ tốt đẹp giữa các cá nhân trong gia đình, trong cộng đồng xã hội, bầu không khí tâm lý, truyền thống gia đình, tập thể, địa phương tốt sẽ tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh. Ngược lại, trẻ em có quan hệ với bạn xấu, gia đình nuông chiều con cái, thiếu quan tâm, gương mẫu... sẽ là nguyên nhân làm sa sút đạo đức ở một bộ phận thanh, thiếu niên, học sinh hiện nay.

Môi trường giáo dục trong xã hội hiện đại không khép kín trong bốn bức tường của gia đình hay trường học mà là cả xã hội sôi động đang mở cửa nhìn ra thế giới... với một hệ thống thông tin đa chiều, tác động hàng ngày, hàng giờ vào giới trẻ. Vì vậy,

giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội phải chung tay khai thác những yếu tố tích cực, ngăn chặn, hạn chế những tác động tiêu cực đến trẻ, tạo cho trẻ có được một môi trường giáo dục thuận lợi, lành mạnh.

#### 1.1.2.7. Kết quả giáo dục

Kết quả giáo dục là thành tố biểu hiện tập trung kết quả vận động và phát triển của quá trình giáo dục nói chung và kết quả hình thành tình cảm, thái độ, hành vi... nói riêng ở HS theo mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục. Nếu mục đích giáo dục là dự kiến mô hình giáo dục – đào tạo mong muốn thì kết quả giáo dục là cái đã đạt được, là sản phẩm thực tế của quá trình giáo dục.

Kết quả giáo dục vừa là sản phẩm cuối cùng của giai đoạn giáo dục này, vừa là tiền đề cho giai đoạn giáo dục tiếp sau.

⇒ **Tóm lại:** Quá trình giáo dục có cấu trúc gồm nhiều thành tố. Mỗi thành tố giữ một chức năng riêng, song chúng có mối quan hệ mật thiết, luôn tồn tại thống nhất biện chứng với nhau, tạo nên một chỉnh thể có tính hệ thống. Chất lượng quá trình giáo dục phụ thuộc vào chất lượng của từng thành tố cấu tạo nên nó. Do đó, muốn nâng cao hiệu quả giáo dục, cần khai thác tính ưu việt của từng thành tố.

### 1.1.3. Bản chất của quá trình giáo dục

#### 1.1.3.1. Cơ sở để xác định bản chất của quá trình giáo dục

##### *a. Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình giáo dục*

Giáo dục là quá trình biện chứng, chịu sự tác động, chi phối bởi rất nhiều yếu tố khách quan, chủ quan, bên trong, bên ngoài, tự phát và tự giác như: môi trường tự nhiên, môi trường xã hội, trình độ nhận thức, vốn kinh nghiệm sống, đặc điểm sinh lí, các điều kiện, hoàn cảnh riêng tư... của bản thân học sinh. Như vậy có thể nói, quá trình giáo dục là một quá trình xã hội hình thành con người.

##### *b. Dựa vào kết quả của quá trình giáo dục*

Kết quả giáo dục là toàn bộ hệ thống thái độ, phẩm chất, thói quen hành vi của cá nhân phù hợp với các chuẩn mực xã hội đã qui định. Kết quả giáo dục chỉ được thể

hiện trong thực tiễn cuộc sống. Chính thực tiễn cuộc sống là tiêu chuẩn để kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục. Do đó, quá trình giáo dục muốn đạt kết quả, phải đưa học sinh tham gia vào thực tiễn với các hoạt động và giao lưu phong phú, đa dạng.

*c. Dựa vào mối quan hệ giữa nhà giáo dục và học sinh*

Quá trình giáo dục có tính hai mặt, đó là những tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục và sự hưởng ứng tích cực, tự rèn luyện của học sinh nhằm tiếp thu những giá trị, chuẩn mực xã hội, tinh hoa văn hóa của dân tộc và thời đại. Nói cách khác, quan hệ giữa nhà giáo dục và học sinh là quan hệ cơ bản, thống nhất biện chứng. Trong đó, nhà giáo dục giữ vai trò chủ đạo. Học sinh một mặt chịu sự tác động của nhà giáo dục, mặt khác là chủ thể tích cực của quá trình tự giáo dục. Quá trình giáo dục chỉ đạt hiệu quả khi học sinh tự nguyện, tự giác, tích cực tham gia vào các hoạt động và giao lưu dưới định hướng của nhà giáo dục.

1.1.3.2. Bản chất của quá trình giáo dục

Từ việc phân tích những cơ sở trên, có thể kết luận:

*Bản chất của quá trình giáo dục là quá trình tổ chức hợp lý cuộc sống, hoạt động và giao lưu cho học sinh, với những tác động có mục đích, có hệ thống của nhà giáo dục, giúp học sinh tự định hướng giá trị, biến các yêu cầu khách quan của xã hội thành yêu cầu chủ quan của cá nhân, chuyển đổi ý thức thành hành vi, thói quen phù hợp.*

**1.1.4. Đặc điểm của quá trình giáo dục**

1.1.4.1. Quá trình giáo dục mang tính mục đích

Quá trình giáo dục là quá trình tác động có định hướng giá trị xã hội của nhà giáo dục đối với thế hệ trẻ. Đó là hoạt động tự giác của nhà giáo dục luôn hướng đến mục tiêu cụ thể là hình thành và bồi dưỡng ý thức, thái độ, hành vi, thói quen phù hợp chuẩn mực xã hội và thời đại.

Vì vậy, các mục đích giáo dục của gia đình, nhà trường... phải xuất phát từ những yêu cầu, đòi hỏi của xã hội về phẩm chất nhân cách con người mới theo từng thời kì phát triển của lịch sử. Đồng thời, các mục tiêu phải rõ ràng, cụ thể, có tác dụng định hướng cho toàn bộ quá trình giáo dục.



#### 1.1.4.2. Quá trình giáo dục mang tính phức hợp

Quá trình giáo dục là một dạng quá trình xã hội, có sự tham gia của nhiều lực lượng giáo dục khác nhau, diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau. Các tác động giáo dục diễn ra theo nhiều chiều, nhiều hướng với nhiều mức độ khác nhau, có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đối với quá trình giáo dục.

Vì vậy, nhà giáo dục cần tổ chức phối hợp, điều chỉnh các tác động theo chiều hướng tích cực, trong đó nhà trường giữ vai trò chủ đạo. Đồng thời ngăn chặn, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực. Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục thống nhất, lành mạnh.

#### 1.1.4.3. Quá trình giáo dục mang tính lâu dài

Quá trình giáo dục được thực hiện trong suốt cả cuộc đời con người – giáo dục suốt đời. Kết quả của quá trình giáo dục là sự chuyển biến trong nhận thức, tình cảm, ý chí, thói quen... Đây là những thuộc tính tâm lý rất khó hình thành, đòi hỏi một quá trình nhận thức, thể nghiệm, đấu tranh, rèn luyện lâu dài của bản thân.

Hơn nữa, kết quả giáo dục không nhìn thấy ngay và khó đánh giá chính xác. Đặc biệt, đối với những thói quen cũ, lạc hậu thường tồn tại dai dẳng, cần có ý chí và thời gian để thay đổi.

Vì vậy, công tác giáo dục không được gián đoạn mà phải tiến hành liên tục, thường xuyên, có hệ thống trong thời gian dài. Đồng thời phải kết hợp với phụ huynh và các đoàn thể xã hội để giáo dục học sinh một cách đồng bộ, kiên trì, bền bỉ, tránh nôn nóng, vội vàng, đốt cháy giai đoạn.

#### 1.1.4.4. Quá trình giáo dục mang tính cụ thể (cá biệt)

Quá trình giáo dục được thực hiện trong cuộc sống, hoạt động và giao lưu hàng ngày của mỗi học sinh. Với tư cách là người được giáo dục, học sinh tiếp nhận các tác động giáo dục theo những qui luật chung, mang tính khái quát, đồng thời bị chi phối bởi những đặc điểm riêng biệt, cụ thể của cá nhân.

Mỗi học sinh có đặc điểm tâm sinh lí riêng, khác nhau về khả năng tiếp nhận, phản ứng trước những tác động giáo dục; khác nhau về hoàn cảnh, vốn sống... Các tình huống giáo dục cũng rất đa dạng, phong phú, mang nhiều màu sắc, tính chất khác nhau.

Vì vậy, nhà giáo dục phải hiểu rõ học sinh, nắm chắc cơ sở lí luận chung, cơ bản đồng thời linh hoạt, mềm dẻo trong việc vận dụng các phương pháp, nguyên tắc giáo dục cho phù hợp với từng học sinh và hoàn cảnh, tình huống giáo dục cụ thể. Tránh giáo dục rập khuôn, máy móc, giáo điều.

#### 1.1.4.5. Quá trình giáo dục thống nhất biện chứng với quá trình dạy học

Giáo dục được thực hiện bằng nhiều con đường, trong đó dạy học là con đường ngắn nhất và có hiệu quả nhất trong việc thực hiện các mục tiêu giáo dục, góp phần hình thành niềm tin, lí tưởng, thế giới quan khoa học cho học sinh.

Tính đa dạng của các hoạt động giáo dục làm cho quá trình giáo dục trở nên hấp dẫn đối với học sinh và do đó đạt được hiệu quả ở nhiều mặt. Có thể nói, giáo dục định hướng và thúc đẩy quá trình dạy học đạt kết quả, góp phần hình thành động cơ, thái độ học tập đúng đắn cho học sinh.

Vì vậy, quá trình dạy học phải khai thác triệt để yếu tố giáo dục trong từng bài học. Qua đó, hình thành ở học sinh ý thức tự giác, tích cực trong học tập và rèn luyện.

### **1.1.5. Động lực của quá trình giáo dục**

#### 1.1.5.1. Quan niệm về động lực của quá trình giáo dục

Theo quan điểm triết học mac-xít, quá trình giáo dục luôn vận động và phát triển nhờ không ngừng giải quyết những mâu thuẫn nội tại. Có 2 loại mâu thuẫn:

- Mâu thuẫn bên trong: mâu thuẫn giữa các yếu tố cấu trúc với nhau hoặc mâu thuẫn giữa các thành phần trong cùng một yếu tố cấu trúc. Ví dụ: mâu thuẫn giữa mục đích giáo dục đề ra cao đẹp với nội dung giáo dục còn lạc hậu; mâu thuẫn giữa nội dung giáo dục đã được đổi mới với phương pháp giáo dục lỗi thời ... Việc giải quyết mâu thuẫn bên trong sẽ tạo ra động lực thúc đẩy QTGD vận động và phát triển.

- Mâu thuẫn bên ngoài: mâu thuẫn giữa các yếu tố cấu trúc với các yếu tố của môi trường bên ngoài. Ví dụ: mâu thuẫn giữa mục đích giáo dục đề ra quá cao với điều kiện kinh tế xã hội quá thấp; mâu thuẫn giữa xu thế phát triển đa dạng của nền kinh tế thị trường với sự cứng nhắc, phiếm diện của dung giáo dục... Việc giải quyết mâu thuẫn bên ngoài sẽ tạo điều kiện cho quá trình giáo dục phát triển.

#### 1.1.5.2. Mâu thuẫn cơ bản và động lực chủ yếu của quá trình giáo dục

Trong các mâu thuẫn bên trong có một mâu thuẫn tồn tại xuyên suốt, có tác dụng chi phối các mâu thuẫn khác, được gọi là mâu thuẫn cơ bản. Giải quyết mâu thuẫn cơ bản sẽ tạo ra động lực chủ yếu thúc đẩy quá trình giáo dục vận động và phát triển.

Mâu thuẫn cơ bản của quá trình giáo dục là mâu thuẫn giữa yêu cầu, nhiệm vụ mới (cao) mà học sinh phải thực hiện với trình độ được giáo dục và phát triển hiện có (thấp) của học sinh. Mâu thuẫn này thường biểu hiện, nảy sinh khi:

- Học sinh phải thực hiện yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục mới nhưng trình độ, kinh nghiệm đã có chưa tương ứng, chưa thể giải quyết được.

- Có nhu cầu muốn thực hiện nhiệm vụ do nhà giáo dục đề ra nhưng những tri thức và kĩ năng chưa vững vàng hoặc chưa có nên làm không đúng, không đạt.

- Trình độ giáo dục trước đó không phù hợp với yêu cầu giáo dục mới, học sinh làm theo kinh nghiệm, thói quen cũ dẫn đến kết quả lệch chuẩn mực.

Như vậy, sẽ có rất nhiều mâu thuẫn xảy ra trong nhận thức, trong thái độ và hành vi của học sinh. Vấn đề ở chỗ, học sinh có ý thức đầy đủ về các mâu thuẫn đó không? Có nhu cầu nỗ lực giải quyết mâu thuẫn không và giải quyết bằng phương thức nào? Đây chính là điều kiện để mâu thuẫn trở thành động lực.

Những yêu cầu nhiệm vụ khách quan phải được học sinh ý thức rồi chuyển thành nhu cầu, mục đích của bản thân và tự giác, tích cực tìm các cách thức, phương tiện khác nhau để thực hiện nhiệm vụ dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của nhà giáo dục. Khi học sinh thực hiện được nhiệm vụ thì các yêu cầu mới khác cao hơn được đặt ra... Cứ như thế, quá trình giáo dục vận động và phát triển không ngừng.

## 1.1.6. Logic của quá trình giáo dục

### 1.1.6.1. Logic của quá trình giáo dục là gì?

Khi xét với tư cách là một quá trình, ta thấy giáo dục diễn ra theo nhiều giai đoạn. Khi xét về bản chất, giáo dục là những tác động làm biến đổi về mặt tâm lí, ý thức để tạo lập những hành vi thói quen cho học sinh theo qui luật hình thành nhân cách. Do vậy, khi nghiên cứu một cách tổng quát trên cả hai phương diện, ta thấy giáo dục là một quá trình được diễn ra theo các khâu. Logic của quá trình giáo dục là trình tự thực hiện hợp lí các khâu đó nhằm hoàn thành các nhiệm vụ giáo dục đã xác định.

### 1.1.6.2. Các khâu của quá trình giáo dục

#### a. *Giáo dục ý thức*

Giáo dục trước tiên là quá trình tổ chức tác động vào mặt ý thức, giúp học sinh nhận thức đúng đắn, đầy đủ về mục đích, ý nghĩa của cuộc sống, hiểu được nội dung và giá trị của các chuẩn mực xã hội (hệ thống các yêu cầu, đòi hỏi thể hiện sự cho phép hay ngăn cấm).

Đây là khâu quan trọng nhất của quá trình giáo dục bởi nhận thức là kim chỉ nam cho hành động của mỗi cá nhân. Nhận thức đúng là cơ sở hình thành thái độ, hành vi văn minh. Ngược lại, nhận thức sai lệch là nguyên nhân dẫn đến hành động sai trái. Trên thực tế, có nhiều trường hợp do thiếu hiểu biết mà con người có những việc làm trái với đạo đức, lễ phải... để lại những hậu quả đáng tiếc.

Vì vậy, quá trình giáo dục trong nhà trường phổ thông phải giúp học sinh nắm được tri thức và các qui tắc, cách thức thực hiện từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp các chuẩn mực xã hội về chính trị, đạo đức, văn hóa, thẩm mỹ, quyền lợi, nghĩa vụ, bổn phận, các qui định hành vi trong các quan hệ xã hội...

#### b. *Giáo dục thái độ, niềm tin*

Trên cơ sở giúp học sinh nhận thức đúng, giáo dục còn tổ chức hình thành cho các em thái độ, niềm tin, tình cảm tích cực đối với các chuẩn mực xã hội đã nhận thức.

Thái độ, niềm tin là sự biểu hiện của quan điểm sống với những giá trị, chuẩn mực xã hội và của bản thân. Tình cảm, niềm tin có vị trí rất quan trọng, là sức mạnh

tinh thần to lớn – là chất men kích thích sự chuyển hóa ý thức thành hành động. Trên thực tế, nhận thức đúng mà không có niềm tin, tình cảm thì hành động sẽ trở nên khô khan và cứng nhắc, có khi làm sai lệch, bóp méo sự thật “yêu nên tốt, ghét nên xấu”...

Vì vậy, để hình thành, bồi dưỡng những tình cảm tốt đẹp cho học sinh phải dựa vào cơ chế hình thành của tình cảm: tạo nhiều cơ hội nảy sinh các xúc cảm đồng loại, tạo nhiều dấu ấn tình cảm tích cực ở học sinh đối với công việc học tập, đối với các quan hệ gia đình, thầy cô, bè bạn, môi trường,...

### *c. Giáo dục hành vi, thói quen*

Khâu cuối cùng của quá trình giáo dục là tổ chức cho học sinh rèn luyện hành vi ứng xử phù hợp với nhu cầu cá nhân và chuẩn mực xã hội một cách thường xuyên, thống nhất ở mọi nơi, mọi lúc, trở thành thói quen, nếp sống của cá nhân.

Hành vi, thói quen văn hóa chính là kỹ năng sống, là kết quả của nhận thức, là biểu hiện cụ thể và sinh động của thái độ, niềm tin của con người, là mục đích cuối cùng của quá trình giáo dục. Hành vi, thói quen được hình thành trong hoạt động, đó là kết quả của quá trình học tập, tu dưỡng và luyện tập lâu dài.

Vì vậy, nhà giáo dục cần tổ chức cho học sinh tham gia nhiều hoạt động đa dạng, nhiều tình huống phong phú, hình thức hấp dẫn với mức độ ngày càng phức tạp để học sinh thể hiện hành vi, rèn luyện ý chí, nghị lực, tập luyện thành thói quen bền vững.

#### 1.1.6.3. Mối quan hệ giữa các khâu của quá trình giáo dục

Quá trình giáo dục là một quá trình tròn vẹn, do đó các khâu luôn hợp thành một thể thống nhất, có quan hệ mật thiết, thâm nhập vào nhau nhằm làm cho quá trình giáo dục đạt kết quả tối ưu.

Trong thực tiễn giáo dục, cần căn cứ vào nội dung, yêu cầu giáo dục cụ thể, căn cứ vào đối tượng, hoàn cảnh cụ thể mà thực hiện các khâu một cách linh hoạt theo trình tự và mức độ thích hợp. Ví dụ: để giáo dục học sinh ý thức tổ chức kỷ luật, trật tự, vệ sinh thì phải chú ý tác động thường xuyên vào khâu rèn luyện hành vi, thói quen. Hơn nữa, do tính không đồng đều của sự phát triển nhân cách mỗi cá nhân về nhận thức, tình cảm, hành vi thói quen, nên có khi phải tập trung nhiều hơn vào một nhiệm vụ để

giải quyết dứt điểm. Mặt khác, khi tác động vào khâu này thì đồng thời cũng tác động vào khâu kia. Ví dụ: khi giảng về yêu cầu, trách nhiệm đối với quê hương đất nước, ta làm cho học sinh nhận thức được vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết phải xây dựng quê hương đất nước, đồng thời cũng gây những ấn tượng (xúc cảm) tích cực về quê hương, làm nảy sinh ý muốn phục vụ quê hương (phương hướng hành động).

### **1.1.7. Tự giáo dục và giáo dục lại**

#### 1.1.7.1. Tự giáo dục

##### *a. Khái niệm tự giáo dục*

Tự giáo dục là hoạt động có ý thức, có mục đích của cá nhân để tự hoàn thiện những phẩm chất nhân cách của bản thân theo những định hướng giá trị nhất định.

Tự giáo dục là bộ phận của quá trình giáo dục, dựa trên quá trình giáo dục, đồng thời là kết quả của quá trình giáo dục, làm cho quá trình giáo dục đạt chất lượng, hiệu quả cao.

Đó là biểu hiện của trình độ phát triển nhân cách của cá nhân đến một giai đoạn mới, tạo cơ sở để cá nhân thích ứng, hòa nhập với cộng đồng một cách tốt nhất.

##### *b. Các yếu tố cơ bản của quá trình tự giáo dục*

- Năng lực tự ý thức về sự phát triển nhân cách của bản thân, về một phẩm chất hay năng lực nào đó cần được phát triển hoặc cần phải thay đổi, sửa chữa cho phù hợp.

- Năng lực tổ chức tự giáo dục như: tự vạch ra mục tiêu, yêu cầu cho mình, xây dựng kế hoạch, nội dung chương trình, lựa chọn phương pháp, phương tiện để thực hiện kế hoạch đề ra.

- Sự nỗ lực của bản thân để vượt qua những khó khăn, trở ngại gặp phải trong quá trình thực hiện kế hoạch tự giáo dục. Tức là khả năng vượt lên chính mình, hình thành và phát triển các phẩm chất ý chí (có ý chí cao).

- Tự kiểm tra, kiểm điểm kết quả tự giáo dục. Tự đánh giá và rút ra những bài học kinh nghiệm, không ngừng hoàn thiện bản thân.

### *c. Yêu cầu giáo dục đối với học sinh*

- Nhà giáo dục giúp học sinh nhận ra những mặt mạnh, yếu của bản thân, những cái chưa đúng, chưa đủ để rèn luyện.

- Giúp học sinh xác định mục tiêu phấn đấu phù hợp với đặc điểm cá nhân và hoàn cảnh sống của bản thân.

- Tạo điều kiện để các em tự tổ chức cuộc sống, nỗ lực ý chí vượt qua thử thách, đạt tới mục tiêu đã vạch ra.

- Tăng cường giáo dục học sinh tư tưởng, ý thức trách nhiệm, bổn phận đối với cuộc sống của mình trong tương lai.

- Hướng dẫn học sinh tự rèn luyện thông qua toàn bộ các hoạt động trong và ngoài nhà trường. Đặc biệt phải gắn tự giáo dục với tự học, tự học suốt đời.

### 1.1.7.2. Giáo dục lại

#### *a. Khái niệm giáo dục lại*

Giáo dục lại là quá trình sư phạm đặc biệt với những tác động giáo dục có tính chuyên biệt của các nhà giáo dục nhằm thay đổi những nhận thức, thái độ, thói quen, hành vi không đúng đã hình thành ở học sinh.

Giáo dục lại là công việc đầy khó khăn, phức tạp vì đối tượng là những trẻ em khó giáo dục, có biểu hiện lệch lạc so với các yêu cầu, chuẩn mực xã hội đã qui định. Công tác cải tạo, phá vỡ những thói hư tật xấu ở các em không phải là việc đơn giản.

#### *b. Đặc điểm của đối tượng giáo dục lại*

##### *\* Đặc điểm về tâm lí – xã hội:*

- Thường có hành vi phản xã hội, đi ngược lại các giá trị, chuẩn mực nói chung.

- Thích tự tập nơi công cộng và có những biểu hiện quấy rối người khác.

- Thường trốn tránh bổn phận, nghĩa vụ đối với người khác và cộng đồng.

##### *\* Đặc điểm về nhân cách:*

- Nhu cầu rất phức tạp, mang nặng chủ nghĩa cá nhân. Thường có 3 nhu cầu cơ bản: + Nhu cầu ấn tượng: luôn tìm kiếm những ấn tượng, cảm giác mạnh, những việc làm khác thường.

- + Nhu cầu tự khẳng định cá nhân: luôn chứng tỏ mình là đúng, là hơn người.
- + Nhu cầu vật chất rất cao: thích hưởng thụ, ăn chơi, sài sang...
- Tính cách chứa đựng nhiều mâu thuẫn: bên ngoài thường nóng nảy, hung hăng, chống đối... nhưng bên trong thường cô đơn, ủy mị, yếu mềm...
- Hành vi: có biểu hiện già trước tuổi và xu hướng xung đột, khiêu khích, chống đối người khác.
- Hứng thú không bền vững và gắn với hệ thống nhu cầu cá nhân.
- Năng lực nhận thức học tập kém nhưng lại rất mưu mẹo, giỏi ứng phó trong các tình huống của cuộc sống, đặc biệt chúng có khả năng làm tốt một việc nào đó mà chúng thích.

*c. Yêu cầu đối với công tác giáo dục lại*

*\* Nguyên tắc chung:*

- Phải có niềm tin vào sự tiến bộ của học sinh
- Nhà giáo dục phải kiên trì, bền bỉ, không nóng vội
- Phối hợp nhiều lực lượng giáo dục, nhiều tác động giáo dục khác nhau

*\* Biện pháp giáo dục:*

- Xác định đúng, cụ thể hệ thống nguyên nhân gây ra những sai lệch trong quá trình phát triển nhân cách.
- Phải gần gũi, dùng tình cảm làm phương tiện để cảm hóa, thuyết phục các em.
- Nhà trường, gia đình phải phối hợp chặt chẽ, mạnh dạn giao việc cho trẻ.
- Theo dõi, giúp đỡ các em, tích cực sử dụng phương pháp nêu gương.
- Tạo ra môi trường cần thiết để các em tập luyện hành vi thói quen mới, từ đó dần dần từ bỏ thói quen hành vi cũ, tiêu cực.

*\* Ở mức độ nghiêm trọng*, thanh thiếu niên phạm pháp được tiến hành giáo dục cưỡng bức trong các trường giáo dưỡng do Bộ Công an quản lí. Phương pháp giáo dục trong các trường giáo dưỡng là tổ chức lại cuộc sống, đưa các em vào lao động, học tập và sinh hoạt tập thể một cách có tổ chức, có kỉ luật để tạo ra nề nếp, thói quen mới dưới sự quản lí chặt chẽ của các nhà giáo dục đồng thời là các nhà thực thi pháp luật.



### **Câu hỏi ôn tập và thảo luận:**

1. So sánh sự giống và khác nhau giữa quá trình dạy học và quá trình giáo dục trong trường trung học cơ sở, từ đó nêu rõ những đặc trưng quan trọng của quá trình giáo dục.
2. Phân tích cấu trúc của quá trình giáo dục. Với cấu trúc này, làm thế nào để nâng cao chất lượng giáo dục ở trường trung học cơ sở hiện nay.
3. Tại sao nói: bản chất của quá trình giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống, hoạt động của học sinh.
4. Phân tích đặc điểm của quá trình giáo dục, từ đó rút ra các kết luận sư phạm cần thiết trong quá trình giáo dục học sinh.
5. Phân tích động lực của quá trình giáo dục. Nhà giáo dục cần làm gì để tạo được động lực phấn đấu, tu dưỡng cho học sinh.
6. Phân tích các khâu của quá trình giáo dục và mối quan hệ biện chứng của chúng. Cho ví dụ cụ thể để minh họa.
8. Tự giáo dục là gì? Phân tích các yếu tố cơ bản của quá trình tự giáo dục.
8. Giáo dục lại là gì? Quá trình giáo dục lại cần chú ý những yêu cầu nào? Tại sao?
9. Tìm hiểu và viết thu hoạch về các nguyên nhân dẫn đến trẻ em hư, lang thang, phạm pháp hiện nay.
10. Thảo luận chủ đề: Mỗi cá nhân là thành quả của quá trình giáo dục xã hội, đồng thời là sản phẩm của chính bản thân mình.

## **1.2. Nguyên tắc giáo dục**

### **1.2.1. Khái niệm chung về nguyên tắc giáo dục**

#### 1.2.1.1. Định nghĩa nguyên tắc giáo dục

Nguyên tắc giáo dục là những luận điểm cơ bản có tính qui luật của lí luận giáo dục, có tác dụng định hướng trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, chỉ dẫn việc lựa chọn và vận dụng nội dung, phương pháp và các hình thức tổ chức giáo dục, nhằm thực hiện tối ưu mục đích và nhiệm vụ giáo dục.

#### 1.2.1.2. Cơ sở khoa học của nguyên tắc giáo dục

Nguyên tắc giáo dục là kết quả nhận thức của con người về các qui luật giáo dục, do đó nguyên tắc giáo dục có cơ sở khách quan là các qui luật của quá trình giáo dục.

Nguyên tắc giáo dục là những luận điểm được chọn lọc và khái quát từ các lí thuyết về bản chất con người, về đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi của học sinh.

Xây dựng nguyên tắc giáo dục phải xuất phát từ mục đích giáo dục nhân cách toàn diện cho thế hệ trẻ và phải phục vụ cho việc thực hiện hiệu quả các mục đích đó.

Trên thực tế, nguyên tắc giáo dục được rút ra từ những kinh nghiệm giáo dục tiên tiến, đã được chứng minh bằng thực tiễn giáo dục qua các thời đại.

### **1.2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục ở trường phổ thông**

#### 1.2.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích của các tác động giáo dục

##### *a. Nội dung nguyên tắc*

Hoạt động giáo dục bao giờ cũng hướng tới mục đích nhất định, bao gồm các mục tiêu trước mắt và mục đích lâu dài. Từ mục đích lâu dài là hình thành những phẩm chất nhân cách toàn diện và sáng tạo, các nhà giáo dục thiết kế mục tiêu cho từng giai đoạn phát triển của trẻ em, cho từng nội dung, tình huống giáo dục cụ thể.

Mục tiêu giáo dục phổ thông là hình thành cho học sinh ý thức và tình cảm đạo đức một cách cụ thể và dễ thực hiện như: chăm chỉ, lễ phép, tôn trọng pháp luật, có thói quen hành vi văn minh, biết đấu tranh với những tệ nạn xã hội, phấn đấu trở thành những con ngoan, trò giỏi, những công dân có ích trong tương lai.

### *b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Thiết kế, xác định mục đích, mục tiêu giáo dục là công việc quan trọng hàng đầu vì nó liên quan đến toàn bộ hoạt động giáo dục, đến chất lượng và hiệu quả giáo dục. Do vậy, yêu cầu các nhà giáo dục phải căn nhắc, tính toán kỹ các mục tiêu trước khi đưa ra quyết định tổ chức hoạt động giáo dục và lựa chọn phương pháp phù hợp.

Trong nhà trường, các nhà giáo dục và quản lý giáo dục phải quán triệt mục đích, nhiệm vụ năm học, mục tiêu của từng bộ môn, từng bài dạy, từng hoạt động giáo dục cụ thể để tiến hành giáo dục.

Xây dựng nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức quá trình giáo dục phải căn cứ vào mục đích giáo dục và phải đạt được mục đích đề ra: Hình thành cho học sinh cơ sở thế giới quan khoa học, lí tưởng sống; Giáo dục ý thức và năng lực tiếp thu có chọn lọc, sáng tạo, các giá trị truyền thống và hiện đại, dân tộc và nhân loại; Biết tỏ rõ thái độ và có khả năng phê phán những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội...

#### 1.2.2.2. Nguyên tắc giáo dục gắn với thực tiễn cuộc sống xã hội

##### *a. Nội dung nguyên tắc*

Phát triển giáo dục nhằm đào tạo ra những con người mới phục vụ đắc lực cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, chuẩn bị nguồn nhân lực cho xã hội.

Giáo dục nhà trường phải gắn với thực tiễn cuộc sống, tức là phải gắn liền với sự nghiệp cách mạng, với đời sống lao động, sản xuất và chiến đấu của dân tộc...

Nhà giáo dục phải sử dụng thực tiễn cuộc sống làm môi trường, phương tiện để giáo dục các phẩm chất nhân cách, giúp học sinh phát triển tính tích cực xã hội, tính tự lập và sáng tạo, hoà nhập với cuộc sống, sinh hoạt xã hội.

##### *b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Các trường phổ thông cần tổ chức cho học sinh tìm hiểu về cuộc sống, về thực tiễn đất nước, địa phương. Qua đó giáo dục ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của cá nhân đối với đất nước, quê hương.

Tổ chức, hướng dẫn học sinh tham gia vào các hoạt động xã hội bằng nhiều hình thức với mức độ vừa sức: tham gia các hoạt động phong trào văn hóa – chính trị - xã hội của địa phương bằng những hành động thiết thực, góp phần vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước.

### 1.2.2.3. Nguyên tắc giáo dục trong lao động và bằng lao động

#### *a. Nội dung nguyên tắc*

Giáo dục trong lao động là tổ chức một cách khoa học các loại hình lao động để thông qua đó giáo dục học sinh. Giáo dục bằng lao động là dùng lao động như là một phương tiện để giáo dục học sinh, tạo cơ hội và điều kiện để học sinh vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống, qua đó hình thành những đức tính tốt đẹp như yêu lao động, tôn trọng người lao động, tiết kiệm sản phẩm lao động, có niềm tin vào năng lực của bản thân, có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm với công việc.

#### *b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Tổ chức cho học sinh trực tiếp tham gia vào các loại hình lao động khác nhau, bắt đầu từ những công việc đơn giản như trực nhật, vệ sinh trường lớp...

Kích thích tính tích cực, sáng tạo của các em trong lao động. Nhà giáo dục tạo môi trường hoạt động hấp dẫn để học sinh vận dụng sáng tạo những điều đã học vào những công việc cụ thể như tổ chức hội thi sản phẩm tái chế tái sử dụng trong học đường, tổ chức trồng cây xanh, cây kiểng, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp...

Tổ chức lao động phải đảm bảo đem lại hiệu quả cụ thể, nghĩa là lao động phải có mục đích, có tổ chức và có kết quả thiết thực, tạo ra niềm vui, sự tự tin, lòng tự hào về những đóng góp nhỏ bé của bản thân vào công việc chung của tập thể.

### 1.2.2.4. Nguyên tắc giáo dục trong tập thể và bằng tập thể

#### *a. Nội dung nguyên tắc*

Giáo dục trong tập thể là đưa học sinh vào tập thể, xem tập thể học sinh là môi trường giáo dục. Chính trong tập thể học sinh được học tập, giao lưu bè bạn, được tham

gia nhiều hoạt động đa dạng của lứa tuổi, qua đó hình thành tinh thần tập thể, ý thức trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, thi đua lành mạnh...

Giáo dục bằng tập thể là dùng tập thể để giáo dục cá nhân. Nhà giáo dục sử dụng sức mạnh của dư luận tập thể, của các yêu cầu tự quản, các qui định - nội qui của tập thể để tác động đến các thành viên, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh biến yêu cầu giáo dục của nhà trường, của xã hội thành những phẩm chất cá nhân, những hành vi và thói quen tương ứng..

#### *b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Các hoạt động giáo dục trong nhà trường cần được tổ chức theo tập thể, lôi cuốn học sinh tự giác tham gia tích cực vào các công việc chung của tập thể.

Xây dựng tập thể phát triển vững mạnh, trở thành môi trường, phương tiện giáo dục hữu hiệu đối với từng học sinh. Đồng thời coi trọng đúng mức lợi ích cá nhân trong sự thống nhất với lợi ích tập thể.

#### 1.2.2.5. Nguyên tắc thống nhất giữa giáo dục ý thức và hành vi

##### *a. Nội dung nguyên tắc*

QTGD diễn ra theo ba khâu thống nhất với nhau. Giáo dục chỉ đạt hiệu quả khi học sinh vừa có nhận thức đúng, có thái độ đúng và lại có hành vi chuẩn mực. Thống nhất giữa giáo dục ý thức và hành vi chính là giải quyết mối quan hệ giữa quá trình giáo dục ý thức và quá trình hình thành hành vi.

Trong quá trình giáo dục, nhất thiết phải coi trọng việc xây dựng ý thức cũng như việc tổ chức tập luyện hành động cho học sinh, đảm bảo cho ý thức và hành vi, lời nói và việc làm của mỗi cá nhân đều đạt tới sự thống nhất, phù hợp với những chuẩn mực do xã hội yêu cầu. Đây chính là tiêu chí về sự trưởng thành của nhân cách.

##### *b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Giúp học sinh có những hiểu biết đúng, rõ ràng về các khái niệm, các chuẩn mực đạo đức, pháp luật, các quan hệ xã hội... thấy được ý nghĩa, giá trị của các chuẩn mực đó trong thực tiễn cuộc sống.

Tổ chức cho học sinh tham gia các loại hình hoạt động đa dạng, hấp dẫn để trải nghiệm và rèn luyện hành vi thói quen.

Nhà giáo dục phải luôn là tấm gương sáng về mọi mặt để học sinh noi theo. Đồng thời phải biết tạo ra những tình huống giáo dục để học sinh tự tìm hướng giải quyết, hình thành kinh nghiệm ứng xử trong cuộc sống.

1.2.2.6. Tôn trọng nhân cách học sinh kết hợp với yêu cầu cao một cách hợp lí

*a. Nội dung nguyên tắc*

Tôn trọng nhân cách học sinh là đề cao phẩm giá, lòng tự trọng, tinh thần cầu tiến, nghị lực và khả năng của học sinh.

Sự tôn trọng phải luôn đi đôi với những yêu cầu cao một cách hợp lí đối với học sinh, đó là những yêu cầu thỏa mãn các tiêu chí sau:

- Đáp ứng, phù hợp với mục đích, mục tiêu giáo dục;
- Ngày càng nâng cao và vừa sức đối với học sinh;
- Có tác dụng khích lệ học sinh tự giác, tích cực thực hiện;
- Có khả năng đem lại hiệu quả mong muốn (khả thi).

*b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Nhà giáo dục tuyệt đối tránh thô bạo, xúc phạm thể xác và tinh thần học sinh. Coi học sinh là thực thể xã hội có khả năng hoạt động độc lập, tích cực.

Nhà giáo dục phải có lòng thương yêu học sinh, có thái độ lạc quan, tin tưởng vào bản chất tốt đẹp của học sinh. Tránh thái độ cực đoan, thành kiến, áp đặt hoặc quá dễ dãi đối với học sinh.

Nâng cao dần mức độ khó của yêu cầu và khuyến khích học sinh thực hiện yêu cầu từ thấp đến cao một cách hợp lí. Đồng thời ken thương kịp thời những thành công, tiến bộ của học sinh để động viên các em phấn đấu đạt những thành tích mới.

1.2.2.7. Nguyên tắc thống nhất giữa vai trò tổ chức lãnh đạo sư phạm của nhà giáo dục với việc phát huy tính chủ động, tích cực, độc lập của học sinh.

### *a. Nội dung nguyên tắc*

QTGD có tính chất hai mặt. Sự thống nhất giữa vai trò tổ chức lãnh đạo sư phạm của nhà giáo dục với tính tự giác, tích cực, độc lập của học sinh thể hiện ở chỗ:

- Dưới sự định hướng, tổ chức, dẫn dắt của nhà giáo dục, học sinh tích cực hình thành và phát triển các phẩm chất nhân cách cần thiết.

- Ngược lại, khi học sinh chủ động trong việc tiếp nhận các tác động giáo dục, tích cực rèn luyện, tu dưỡng thì giáo dục mới đạt hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện phát huy vai trò chủ đạo của nhà giáo dục.

### *b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Nhà giáo dục phải có năng lực sư phạm nói chung, năng lực giáo dục nói riêng. Phải hiểu biết sâu sắc đối tượng để lựa chọn nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp, phát huy mọi tiềm năng của học sinh.

Giúp đỡ học sinh tự xây dựng kế hoạch học tập và phân đấu theo từng năm, từng học kì. Đồng thời tạo điều kiện khuyến khích học sinh thực hiện kế hoạch đề ra.

Phát huy vai trò tự quản của học sinh, tôn trọng những sáng kiến và sự độc lập của các em.

Tổ chức và thu hút học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động chung, biến yêu cầu của nhà trường thành yêu cầu tự giáo dục của tập thể và trách nhiệm của từng cá nhân học sinh.

## 1.2.2.8. Nguyên tắc phát huy ưu điểm để khắc phục nhược điểm

### *a. Nội dung nguyên tắc*

Phát huy mặt tốt, mặt tích cực chính là phát huy các phẩm chất tốt đẹp có trong mỗi người, nhằm khẳng định và khuyến khích con người ngày càng tốt hơn.

Lấy ưu điểm để khắc phục nhược điểm là cổ vũ, phát triển ý thức, thái độ và hành vi tốt, từ đó xóa bỏ mặc cảm, những thành kiến, những tư tưởng, tình cảm, thói quen tiêu cực, không phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Thực tiễn giáo dục cho thấy, sử dụng nguyên tắc “lấy xây để chống”, “tăng cường sinh lực để phòng chống bệnh tật” trong giáo dục rất có hiệu quả. Đặc biệt, các điển hình giáo dục tiên tiến đã phát hiện những nhân tố, yếu tố tích cực từ trong những khó khăn, thiếu thốn, tiêu cực...

*b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Chú ý phát huy những ưu điểm có trong học sinh. Tìm mọi cách vun đắp những phẩm chất tốt đẹp của học sinh, trên cơ sở đó hạn chế, loại trừ dần những điểm xấu, tiêu cực của các em.

Tổ chức các phong trào thi đua, nhân điển hình người tốt việc tốt; thường xuyên theo dõi, động viên, khen thưởng học sinh.

Trong phê bình, trách phạt cần có lòng nhân ái, thái độ bao dung, độ lượng. Hãy nâng đỡ khi học sinh vấp ngã, sai lầm, qua đó cảm hóa họ, dẫn dắt họ đi theo cái đúng, cái tiến bộ... Tuy nhiên, nguyên tắc này không cho phép nhà giáo dục bao che khuyết điểm, thủ tiêu đấu tranh hoặc phô trương thành tích, làm cho học sinh tự kiêu, tự phụ...

1.2.2.9. Nguyên tắc chú ý đặc điểm riêng của học sinh (giáo dục cá biệt)

*a. Nội dung nguyên tắc*

Quá trình giáo dục luôn hướng tới những đối tượng cụ thể: tập thể lớp học, chi đoàn, chi đội... và cá nhân học sinh. Sự phát triển của học sinh bao giờ cũng tuân theo qui luật chung của lứa tuổi, của giới tính, đồng thời mang theo những đặc thù riêng, không lặp lại giữa các cá nhân học sinh.

Sự khác biệt về tâm lí, ý thức của từng cá nhân do nhiều nguyên nhân khác nhau và nhà giáo dục phải lí giải được để có cơ sở xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp.

*b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Nhà giáo dục cần nghiên cứu và nắm chắc đối tượng về đặc điểm lứa tuổi và đặc điểm riêng của học sinh lớp mình phụ trách. Từ đó, lựa chọn nội dung, phương pháp tổ chức giáo dục phù hợp. Tránh giáo dục đồng loạt, chung chung, đại khái.



Cần phân hoá hệ thống mục tiêu, nội dung chương trình hoạt động, đảm bảo phối hợp chặt chẽ giữa tính vừa sức chung và vừa sức riêng, giữa tính đại trà và tính cá biệt.

Nhà giáo dục phải có lòng yêu nghề, quan tâm và chủ động đến với học sinh. Tham gia hoạt động cùng học sinh để có thể quan sát và chia sẻ những khó khăn, những tâm tư của học sinh, tạo điều kiện để học sinh đến với nhà giáo dục.

1.2.2.10. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống và liên tục của các tác động giáo dục

*a. Nội dung nguyên tắc*

Giáo dục là quá trình lâu dài và phức tạp, diễn ra theo hệ thống liên tục và chặt chẽ, đảm bảo hình thành một cách vững chắc và toàn vẹn các phẩm chất nhân cách cho học sinh.

Giáo dục được thực hiện thường xuyên theo từng bước, từng cấp học. Tiến hành ở mọi lúc, mọi nơi, thông qua mọi hoạt động và mọi mối quan hệ của học sinh.

*b. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc*

Nhà giáo dục phải có kế hoạch giáo dục tổng thể, khoa học, triển khai theo hệ thống từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.

Phải trân trọng những cố gắng, sự tiến bộ dù nhỏ của học sinh. Kế thừa có chọn lọc những kết quả giáo dục, đồng thời luôn củng cố và phát triển chúng.

Giáo dục phải được tiến hành liên tục trong mọi không gian và thời gian, không được ngắt quãng, gián đoạn một cách tùy tiện hoặc làm việc theo kiểu phong trào.

**⇒ Lưu ý:**

- Các nguyên tắc có mối quan hệ biện chứng với nhau. Chúng vừa bổ sung, vừa định hướng cho các hoạt động giáo dục.

- Cần thực hiện quán triệt các nguyên tắc theo quan điểm tổng hợp, toàn vẹn vào từng nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức hoạt động giáo dục.

- Tùy theo tình huống giáo dục cụ thể, nhà giáo dục lựa chọn và vận dụng các nguyên tắc một cách linh hoạt, sáng tạo để có được những kết quả mong muốn.

### **Câu hỏi ôn tập và thảo luận:**

1. Trình bày khái niệm nguyên tắc giáo dục. Cơ sở lí luận và thực tiễn của các nguyên tắc giáo dục.
2. Phân tích nội dung, biện pháp thực hiện từng nguyên tắc giáo dục. Lấy ví dụ thực tế để minh họa.
3. Phân tích mối quan hệ giữa các nguyên tắc giáo dục. Cho ví dụ cụ thể.
4. Hãy xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động tập thể cho học sinh lớp chủ nhiệm. Nêu và phân tích những nguyên tắc cần được áp dụng khi tổ chức hoạt động đó.
5. Suy tầm một tình huống sư phạm và phân tích việc vận dụng các nguyên tắc giáo dục để giải quyết tình huống đó. Anh (chị) có ý kiến gì khác trong việc giải quyết tình huống sư phạm trên.
6. Tại sao nói, nghệ thuật sư phạm chính là thực hiện một cách hợp lí và sáng tạo các nguyên tắc giáo dục.

### **1.3. Phương pháp giáo dục**

#### **1.3.1. Khái niệm phương pháp giáo dục**

##### 1.3.1.1. Định nghĩa phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục là tổ hợp các cách thức, biện pháp hoạt động thống nhất giữa nhà giáo dục và học sinh, nhằm thực hiện các nội dung giáo dục, đạt được mục đích giáo dục đã đề ra.

Về bản chất, phương pháp giáo dục là hệ thống các cách thức tổ chức cuộc sống, hoạt động và giao lưu cho thế hệ trẻ thông qua toàn bộ cuộc sống của các em trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội.

##### 1.3.1.2. Đặc điểm của phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục là một hệ thống các hành động đã xác định, được thực hiện theo một qui trình chặt chẽ nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

Phương pháp giáo dục là một thành tố quan trọng của quá trình giáo dục, có mối quan hệ mật thiết với các thành tố khác của quá trình giáo dục.

Phương pháp giáo dục gồm hai hoạt động diễn ra song song và thống nhất với nhau: cách thức tổ chức hoạt động của nhà giáo dục và cách thức tham gia tích cực của học sinh. Trong đó, tác động của nhà giáo dục là tác động chủ đạo.

Phương pháp giáo dục rất đa dạng, được triển khai phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh, hoàn cảnh sống và tình huống giáo dục cụ thể.

#### **1.3.2. Phân loại phương pháp giáo dục**

Do tính đa dạng của phương pháp giáo dục nên việc phân loại chúng cũng rất khó khăn, phức tạp. Có nhiều cách phân loại phương pháp khác nhau, mỗi cách phân loại dựa trên một tiêu chí – bình diện để sắp xếp các phương pháp theo hệ thống thống nhất nhằm sử dụng có hiệu quả.

##### 1.3.2.1. Dựa vào các lực lượng giáo dục, ta có 4 nhóm phương pháp:

- Nhóm PPGD gia đình
- Nhóm PPGD nhà trường
- Nhóm PPGD đoàn thể
- Nhóm PPGD xã hội

1.3.2.2. Dựa theo nội dung giáo dục, ta có 5 nhóm phương pháp:

- Nhóm phương pháp giáo dục trí tuệ
- Nhóm PPGD chính trị, tư tưởng, đạo đức
- Nhóm PPGD thẩm mỹ - Nhóm PPGD thể chất
- Nhóm PPGD lao động, hướng nghiệp

1.3.2.3. Dựa theo logic của quá trình giáo dục, ta có 3 nhóm phương pháp:

- Nhóm phương pháp tác động vào ý thức cá nhân
- Nhóm phương pháp tạo lập hành vi, thói quen
- Nhóm phương pháp kích thích, điều chỉnh hành vi, thái độ

### **1.3.3. Hệ thống các phương pháp giáo dục ở trường phổ thông**

1.3.3.1. Nhóm phương pháp tác động vào ý thức

Đây là nhóm phương pháp tác động trực tiếp đến nhận thức và tình cảm của học sinh nhằm giúp học sinh:

- Hiểu biết về các chuẩn mực, giá trị xã hội đã qui định.
- Thấy được ý nghĩa, vai trò của chuẩn mực đối với cá nhân và xã hội.
- Hiểu rõ tác hại, hậu quả do những hành vi, thái độ sai lệch gây ra.
- Hình thành xúc cảm, niềm tin đối với các chuẩn mực xã hội.

Nhóm này gồm các phương pháp cụ thể sau:

#### *a. Phương pháp khuyên bảo*

\* *Định nghĩa:* Là phương pháp trò chuyện giữa nhà giáo dục với học sinh. Trong đó, nhà giáo dục sử dụng hệ thống những lời khuyên, lời chỉ dẫn cần thiết mang yếu tố xúc cảm tích cực nhằm giúp học sinh hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của các chuẩn mực xã hội, từ đó định hướng tu dưỡng, rèn luyện thái độ, hành vi theo đúng chuẩn mực.

#### *\* Tình huống vận dụng phương pháp:*

- Đối tượng không hiểu dẫn đến hành động sai → Nhà giáo dục có thái độ bao dung, giải thích, thuyết phục...

- Đối tượng hiểu rõ vấn đề nhưng vẫn hành động sai → Nhà giáo dục có thái độ nghiêm khắc, cương quyết, đưa ra yêu cầu nhắc nhở, bắt buộc...

*\* Yêu cầu thực hiện phương pháp:*

- Yêu cầu chung:

- + Tạo ra hoàn cảnh tự nhiên, chứa đựng tình huống giáo dục;
- + Dựa trên sự tin cậy, hiểu biết và quan hệ tình cảm sâu sắc;
- + Nhà giáo dục có uy tín, được học sinh kính phục, nể trọng;
- + Kết hợp việc đánh giá hành vi với việc lấy ví dụ thực tế sinh động để minh họa, thuyết phục.

- Yêu cầu sử dụng đối với học sinh THCS

+ Nắm chắc đặc điểm tâm sinh lí của học sinh để có cách tiếp cận và khéo léo, tế nhị dẫn dắt câu chuyện theo mục tiêu đã định.

+ Chọn thời điểm thích hợp để tạo ra tình huống tự nhiên, cởi mở, kích thích sự chú ý và sự tự giáo dục của học sinh.

+ Chú ý lắng nghe, tạo điều kiện cho học sinh tự bộc bạch những suy nghĩ, nguyện vọng của bản thân.

+ Luôn nhẹ nhàng, lịch sự, thể hiện tình cảm chân thành, tôn trọng học sinh.

+ Nhà giáo dục phải mẫu mực, xứng đáng là tấm gương cho học sinh noi theo.

*b. Phương thảo luận*

*\* Định nghĩa:* Là phương pháp nhà giáo dục tổ chức, hướng dẫn cho học sinh thực hiện các cuộc đối thoại thẳng thắn về một chủ đề thời sự nào đó có ý nghĩa giáo dục, qua đó giúp học sinh nâng cao hiểu biết về các chuẩn mực xã hội.

*\* Vai trò của phương pháp:*

- Tạo điều kiện cho học sinh bộc lộ khả năng nhận thức, tư tưởng, quan điểm cá nhân về chuẩn mực xã hội.

- Giải đáp, chia sẻ những thắc mắc, tích lũy kinh nghiệm về cách giải quyết các tình huống...

- Giúp học sinh tìm ra tiếng nói chung, tạo dư luận cần thiết để điều chỉnh nhận thức, thái độ cá nhân.

- Giúp học sinh thoả mãn nhu cầu tìm hiểu, khám phá cái mới, nhu cầu vươn lên tự khẳng định mình.

*\* Yêu cầu vận dụng phương pháp:*

- Lựa chọn chủ đề thảo luận hấp dẫn, thiết thực, phù hợp nhu cầu, hứng thú của học sinh.

- Tạo bầu không khí cởi mở, tự nhiên, kích thích HS tự giác, tích cực phát biểu...

- Biết lắng nghe, tôn trọng, thông cảm với học sinh ...

- Khéo léo điều hoà, giải quyết các xung đột giữa các ý kiến khác nhau, định hướng tranh luận, dẫn dắt học sinh tìm ra ý kiến, quan điểm chung.

*c. Phương pháp tạo dư luận xã hội*

*\* Định nghĩa:* Là cách thức nhà giáo dục đưa ra những ý kiến, quan điểm khác nhau về một sự kiện, hiện tượng nào đó xảy ra trong tập thể và định hướng để học sinh suy ngẫm, tự đánh giá; qua đó hình thành dư luận lành mạnh, biến yêu cầu của nhà giáo dục thành yêu cầu của tập thể và mỗi cá nhân.

*\* Biểu hiện của dư luận:*

- Là sự nhận xét, đánh giá; yêu cầu, đòi hỏi của tập thể trước một sự kiện, hiện tượng nào đó xảy ra trong đời sống.

- Là những ý kiến đồng tình hay phê phán một sự kiện, một hành vi đã và đang xảy ra trong tập thể;

- Là những lời phát biểu trong các cuộc họp, các quyết định của tập thể về một vấn đề nào đó;

- Là các buổi phát thanh, các bài báo viết về một sự kiện, vấn đề của tập thể...

*\* Yêu cầu thực hiện phương pháp:*

- Tổ chức cho học sinh hoạt động để tạo nên truyền thống; giáo dục ý thức tự hào và phát huy truyền thống tốt đẹp của tập thể.

- Đề cao tinh thần phê bình và tự phê bình của học sinh.

- Hoan nghênh, ủng hộ những học sinh tích cực; phê phán, điều chỉnh những hành vi sai trái, những biểu hiện tiêu cực, thiếu lành mạnh.

- Tôn trọng vai trò tự quản của tập thể, khuyến khích sáng kiến hay của học sinh.
- Giám sát dư luận để kịp thời điều chỉnh khi có biểu hiện sai lệch...

### 1.3.3.2. Nhóm phương pháp tạo lập hành vi, thói quen

Đây là nhóm phương pháp thực hiện chức năng hình thành và rèn luyện hành vi, thói quen có văn hoá tác cho học sinh. Qua đó, tác động đến quá trình hình thành xúc cảm tích cực và niềm tin đúng đắn vào các chuẩn mực của học sinh, giúp học sinh củng cố nhận thức về các chuẩn mực xã hội.

Nhóm phương pháp này gồm các phương pháp cụ thể sau:

#### *a. Phương pháp giao việc*

\* *Định nghĩa*: Là cách thức nhà giáo dục giao những công việc, nhiệm vụ cụ thể cho học sinh nhằm lôi cuốn các em vào các hoạt động đa dạng với những nghĩa vụ xã hội nhất định, qua đó rèn luyện kỹ năng hoạt động và hình thành những hành vi, thói quen phù hợp chuẩn mực xã hội đã qui định.

#### *\* Vai trò của phương pháp giao việc:*

- Giúp học sinh hình thành và thể hiện những hành vi, kinh nghiệm ứng xử phù hợp với yêu cầu của công việc được giao.

- Hình thành các phẩm chất tốt đẹp như tinh thần trách nhiệm đối với công việc, tinh thần tập thể, ý thức đoàn kết, hợp tác trong các hoạt động và quan hệ đa dạng.

#### *\* Yêu cầu sử dụng phương pháp*

- Chọn việc phù hợp với mục tiêu giáo dục và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh; chú ý đến khả năng, nhu cầu, hứng thú của từng cá nhân học sinh.

- Yêu cầu công việc phải cụ thể, rõ ràng, giúp học sinh định hướng chuỗi hành động cần thực hiện.

- Làm cho học sinh hiểu được giá trị - ý nghĩa của việc được giao; khuyến khích tinh thần tự giác, tích cực, có trách nhiệm đối với công việc.

- Phát huy sáng kiến, kinh nghiệm của học sinh trong hoạt động; theo dõi, tạo điều kiện giúp đỡ các em khi cần thiết.

- Kiểm tra, đánh giá công khai kết quả hoàn thành công việc; động viên kịp thời những cá nhân có kết quả công việc tốt.

#### *b. Phương pháp tổ chức hoạt động thực tiễn*

\* *Định nghĩa:* Là cách thức nhà giáo dục tổ chức cho học sinh trực tiếp tham gia vào các loại hình hoạt động đa dạng trong thực tiễn, qua đó giúp các em tích lũy kinh nghiệm, hình thành các kĩ năng hoạt động, hành vi và thói quen ứng xử văn minh.

##### *\* Các dạng hoạt động ở trường phổ thông:*

- Giao lưu, tiếp xúc với các văn nghệ sĩ, nhà khoa học, người thành đạt
- Tổ chức lao động công ích ở địa phương
- Các hoạt động văn hoá – xã hội, lễ hội, truyền thông, cổ động...
- Tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, bảo tàng...
- Các trò chơi tập thể, trò chơi văn nghệ, thể dục thể thao...
- Các hội thi, triển lãm sản phẩm hoạt động của học sinh
- Các phong trào học tập, thi đua làm việc tốt, giúp đỡ, ủng hộ người nghèo...

##### *\* Yêu cầu sử dụng phương pháp:*

- Xây dựng kế hoạch cụ thể với các nội dung và hình thức tổ chức hấp dẫn, thiết thực đối với học sinh.

- Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất và tinh thần phục vụ cho các hoạt động.
- Phải phân công, phân nhiệm rõ ràng và xác định lực lượng phối hợp chặt chẽ.
- Luôn theo dõi, đôn đốc học sinh thực hiện đúng chương trình kế hoạch đã đề ra.
- Có tổng kết, đánh giá khi kết thúc hoạt động, rút kinh nghiệm cần thiết cho các hoạt động tiếp sau.

#### *c. Phương pháp luyện tập (tập thói quen)*

\* *Định nghĩa:* Là cách thức nhà giáo dục tổ chức cho học sinh thực hiện một cách đều đặn và có kế hoạch các hành động nhất định, nhằm biến những hành động đó thành các kĩ xảo, thói quen ứng xử, các phẩm chất nhân cách phù hợp.



*\* Ý nghĩa của tập thói quen:*

- Tạo điều kiện để học sinh củng cố các hành vi mới được hình thành.
- Tạo cho học sinh cơ chế phản ứng nhanh, có hiệu quả trước tình huống đa dạng của cuộc sống.
- Thói quen luôn gắn liền với nhu cầu - thuộc tính tâm lí, thói quen được hình thành là cơ sở của các thuộc tính, phẩm chất nhân cách.
- Là phương pháp có vai trò đặc biệt quan trọng và hiệu quả trong thời kì đầu của quá trình giáo dục và đối với học sinh nhỏ tuổi.

*\* Yêu cầu sử dụng phương pháp:*

- Giúp học sinh hiểu rõ mục tiêu, yêu cầu và nắm chắc qui tắc, cách thức tiến hành luyện tập.
- Các bài tập luyện phải hấp dẫn, đa dạng, có hệ thống từ thấp đến cao nhằm thu hút học sinh tham gia tự giác, tích cực, thoải mái...
- Tổ chức luyện tập theo chế độ hợp lí, đồng thời theo dõi, động viên, giúp đỡ kịp thời khi học sinh gặp khó khăn trong quá trình luyện tập.
- Tiến hành kiểm tra, uốn nắn thường xuyên, đồng thời khuyến khích học sinh tự kiểm tra, điều chỉnh hành vi của mình.

1.3.3.3. Nhóm các phương pháp điều chỉnh thái độ, hành vi ứng xử

Đây là nhóm các phương pháp có chức năng tạo ra yếu tố kích thích về mặt tâm lí để thúc đẩy hành động hoặc ức chế, điều chỉnh các hành vi ứng xử có biểu hiện lệch lạc; Đồng thời góp phần củng cố những kết quả đã đạt được của các nhóm phương pháp khác.

Nhóm phương pháp điều chỉnh thái độ, hành vi gồm các phương pháp cụ thể sau:

*a. Phương pháp nêu gương*

*\* Định nghĩa:* Là phương pháp nhà giáo dục sử dụng những tấm gương điển hình, tiên tiến của cá nhân hay tập thể để kích thích học sinh học tập và làm theo.

*\* Các hình thức nêu gương:*

- Nêu cao truyền thống của tập thể lớp, trường, địa phương.
- Đề cao các cá nhân điển hình, tiên tiến, những gương “người tốt, việc tốt” để học sinh tu dưỡng, rèn luyện theo gương.
- Thông qua cuộc đời, sự nghiệp của các bậc vĩ nhân, các lãnh tụ, các anh hùng,...
- Thông qua sự gương mẫu của nhà giáo dục.

*\* Yêu cầu thực hiện phương pháp:*

- Chọn gương phù hợp với mục tiêu giáo dục, với đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi học sinh (gương người thực, việc thực, điển hình, gần gũi với cuộc sống học sinh).
- Liên hệ thực tế, nêu lên những gương tốt cần noi theo, gương xấu cần phê phán.
- Hướng dẫn học sinh biết phân tích, đánh giá, rút ra bài học bổ ích.
- Nhà giáo dục phải tự xây dựng bản thân thành tấm gương sáng trước học sinh.

*b. Phương pháp thi đua*

*\* Định nghĩa:* Là cách thức nhà giáo dục kích thích khuynh hướng tự khẳng định mình ở mỗi học sinh, thúc đẩy họ đua tài gắng sức, hăng hái vươn lên; đồng thời lôi cuốn người khác cùng tiến lên giành được những thành tích cá nhân và tập thể cao nhất

*\* Ý nghĩa của phương pháp:*

- Thúc đẩy sự nỗ lực của cá nhân và tập thể, tạo bầu không khí hoạt động khẩn trương, sôi nổi...
- Phát huy tính sáng tạo để đạt hiệu quả hoạt động cao nhất.
- Tạo điều kiện cho mọi thành viên xích lại gần nhau, đề cao trách nhiệm cá nhân và tinh thần tự giác, hợp tác, tương trợ trong tập thể.

*\* Yêu cầu đối với phương pháp thi đua:*

- Mục tiêu thi đua phải cụ thể, thiết thực, có ý nghĩa đối với sự phát triển nhân cách học sinh.

- Các hình thức thi đua phải mới mẻ, hấp dẫn, thu hút đông đảo học sinh tham gia
- Sau mỗi đợt thi đua, cần có tổng kết, đánh giá công khai, công bằng, đi kèm với biểu dương, khen thưởng đối với những cá nhân và tập thể học sinh có thành tích cao hoặc nhiều nỗ lực.

### *c. Phương pháp khen thưởng*

\* *Định nghĩa:* Là phương pháp biểu thị sự đánh giá tích cực của nhà giáo dục đối với những hành vi ứng xử và hoạt động tích cực của cá nhân hoặc tập thể nhằm kích thích họ củng cố và phát huy hơn nữa những thành tích đã đạt được

#### *\* Ý nghĩa của phương pháp khen thưởng:*

- Khẳng định hành vi được khen là đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực xã hội.
- Tạo cho học sinh tâm lí phấn khởi, tự hào về thành tích đã đạt được, giúp các em thêm tự tin, tự khẳng định bản thân.
- Kích thích học sinh tiếp tục duy trì và phát triển những hành vi tích cực; đồng thời khích lệ các thành viên trong tập thể tích cực hoạt động, phấn đấu để đạt kết quả tốt như người được khen.

#### *\* Hình thức khen thưởng:*

- Tỏ thái độ đồng tình, ủng hộ, khích lệ trước những hành vi đúng.
- Tỏ lời khen ngợi, biểu dương thành tích mà cá nhân và tập thể đã đạt được
- Tặng giấy công nhận, giấy biểu dương, giấy khen, bằng khen, các quyết định sau đợt thi đua, tổng kết học kì...
- Thưởng: Tùy theo mức độ của khen mà đi đôi với thưởng bằng hiện vật như sách vở, đồ dùng học tập, tiền...

#### *\* Yêu cầu đối với phương pháp khen thưởng:*

- Khen thưởng trên cơ sở đánh giá hành vi thực tế một cách chính xác, khách quan, công bằng.
- Khen thưởng phải kịp thời, đúng lúc, đúng chỗ, không lạm dụng khen thưởng

- Không cầu toàn trong việc khen thưởng, nhất là đối với những học sinh nhút nhát, thiếu tự tin.

- Khen thưởng phải được dư luận tập thể đồng tình, ủng hộ.

- Kết hợp nhiều hình thức khác nhau, tránh sử dụng quá nhiều một hình thức cho một đối tượng.

#### *d. Phương pháp trách phạt*

\* *Định nghĩa:* Là phương pháp biểu thị thái độ không đồng tình, sự phản đối, phê phán của nhà giáo dục đối với những hành vi sai trái của học sinh, buộc họ phải từ bỏ những hành vi sai trái đó và điều chỉnh sự ứng xử theo đúng các chuẩn mực xã hội đã qui định.

#### *\* Ý nghĩa của trách phạt:*

- Giúp người bị phạt thấy được sai lầm của bản thân, tác hại, hậu quả của nó; đồng thời xác định phương hướng, cách thức sửa chữa sai lầm.

- Tạo ra trạng thái tâm lí đặc biệt ở người mắc lỗi (hối hận, xấu hổ), nhờ đó giúp họ có thêm nghị lực, ý chí để sửa chữa sai lầm, không tái phạm nữa.

- Tạo cơ hội nhắc nhở những học sinh khác không rơi vào sai trái đó, không vi phạm các chuẩn mực xã hội.

#### *\* Hình thức trách phạt:*

- Biểu lộ qua thái độ không hài lòng, không đồng tình

- Dùng lời nói để nhắc nhở → phê bình → cảnh cáo

- Các giấy quyết định kỉ luật (ghi học bạ, chuyển sang lớp khác, trường khác)

#### *\* Yêu cầu thực hiện phương pháp trách phạt:*

- Trách phạt trên cơ sở đánh giá chính xác, khách quan những sai lầm do đối tượng gây ra.

- Chú ý đến đặc điểm tâm sinh lí của cá nhân mắc lỗi và hoàn cảnh phát sinh hành vi xấu...

- Đảm bảo cho người bị phạt thấy rõ sai lầm và chấp nhận hình thức, mức độ trách phạt đối với mình.

- Trách phạt phải thẳng thắn, nghiêm khắc nhưng đảm bảo sự tôn trọng nhân cách học sinh .

- Cần chú ý tới dư luận của tập thể khi chọn mức độ, hình thức trách phạt. Nhà giáo dục và tập thể phải luôn theo dõi, giúp đỡ, tạo cơ hội để đối tượng sửa chữa khuyết điểm.

#### **1.3.4. Vấn đề lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục**

##### 1.3.4.1. Kết luận chung

- Các phương pháp giáo dục có quan hệ chặt chẽ với mục đích, nội dung giáo dục. Do đó, mỗi quá trình giáo dục cụ thể đều có các phương pháp giáo dục đặc trưng.

- Mỗi phương pháp giáo dục đều có khả năng tác động đến một hay nhiều giai đoạn khác nhau của quá trình giáo dục, có thể ảnh hưởng đến nhiều mặt khác nhau trong nhân cách học sinh.

- Phương pháp giáo dục rất đa dạng nhưng chúng có quan hệ mật thiết, tác động, hỗ trợ nhau. Mỗi phương pháp giáo dục đều có những ưu và nhược điểm nhất định, không có phương pháp nào là vạn năng.

⇒ Vì vậy, không nên lạm dụng phương pháp nào. Cần kết hợp các phương pháp giáo dục với nhau để chúng bổ khuyết cho nhau.

##### 1.3.4.2. Điều kiện để lựa chọn và vận dụng hiệu quả các phương pháp giáo dục

Do tính chất đặc biệt của quá trình giáo dục, để lựa chọn và vận dụng tối ưu các phương pháp giáo dục, nhà giáo dục cần quán triệt những điều kiện sau:

- Phải xác định mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục của mỗi hoạt động, mỗi tình huống giáo dục để lựa chọn phương pháp phù hợp.

- Căn cứ vào chủ đề, nội dung cần tác động đến học sinh mà xác định phương pháp giáo dục tương ứng.

- Chú ý đặc điểm tâm sinh lí của học sinh, trình độ được giáo dục hiện có của các em để có phương pháp giáo dục thích hợp.

- Trên cơ sở phân tích và xác định đúng tình huống, hoàn cảnh giáo dục cụ thể, nhà giáo dục lựa chọn phương pháp tác động đúng lúc, đúng chỗ, đem lại hiệu quả cao.

- Nhà giáo dục phải hiểu rõ môi trường đang chi phối quá trình giáo dục (đur luận, tính kĩ luật...) từ đó sẽ lựa chọn và phát huy tác dụng của các phương pháp giáo dục.

- Việc lựa chọn phối hợp các phương pháp phải dựa vào sự hiểu biết phong phú về phương pháp, dựa vào kinh nghiệm, khả năng và uy tín của bản thân nhà giáo dục.

Có thể nói, việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp giáo dục là biểu hiện của nghệ thuật giáo dục, tạo ra bản sắc riêng của từng nhà giáo dục.

### **Câu hỏi ôn tập và thảo luận:**

1. Định nghĩa phương pháp giáo dục? Nêu và phân tích những đặc điểm cơ bản của phương pháp giáo dục. Cho ví dụ minh họa.

2. Trình bày các cách phân loại phương pháp giáo dục và nhận xét về các cách phân loại đó.

3. Trình bày nội dung và cách thực hiện từng phương pháp giáo dục, từ đó rút ra các kết luận sư phạm cần thiết.

4. Phân tích những cơ sở khoa học của việc lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục.

5. Tại sao trong quá trình giáo dục phải sử dụng phối hợp các phương pháp giáo dục? Lấy ví dụ cụ thể để minh họa.

6. Ngoài các phương pháp giáo dục đã nêu, anh (chị) thử đề xuất một vài phương pháp mà anh chị biết, phân tích ưu nhược điểm của nó.

7. Kể một tình huống giáo dục mà anh (chị) đã chứng kiến và chỉ rõ các phương pháp giáo dục giáo viên đã sử dụng, phân tích hiệu quả giáo dục của tình huống đó.

8. Qua đợt thực tập sư phạm, anh (chị) hãy đánh giá việc sử dụng các phương pháp giáo dục ở trường trung học cơ sở hiện nay.

## **Chương 2**

### **NỘI DUNG GIÁO DỤC**

#### **2.1. Khái niệm nội dung giáo dục**

##### **2.1.1. Định nghĩa nội dung giáo dục**

Nội dung giáo dục là hệ thống các tri thức, thái độ, hành vi có liên quan đến các chuẩn mực, giá trị xã hội cần giáo dục cho học sinh.

Trong nhà trường, nội dung giáo dục được xây dựng theo từng mặt giáo dục cơ bản: trí, đức, thể, mỹ, lao động – kỹ thuật, môi trường, dân số... cho phù hợp với mục đích, đặc điểm học sinh và điều kiện, hoàn cảnh cụ thể.

##### **2.1.2. Cơ sở lựa chọn và thiết kế nội dung giáo dục**

Dựa vào mục đích giáo dục tổng thể (xã hội): Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, năng động, sáng tạo trong cuộc sống, học tập và lao động, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH và hội nhập quốc tế.

Bám sát mục tiêu giáo dục của bậc học, cấp học cụ thể theo từng tháng, từng học kì, từng năm học.

Căn cứ vào đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi học sinh. Mỗi giai đoạn lứa tuổi có những hoạt động chủ đạo cần khai thác, có những hứng thú, say mê và cả những nhược điểm cần quan tâm giáo dục.

Phù hợp với trào lưu phát triển của văn hoá – xã hội. Xã hội hiện đại đang có những biến đổi sâu sắc và rộng khắp trên mọi lĩnh vực. Nội dung giáo dục phải luôn được cập nhật, bổ sung, đổi mới cho phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Vì vậy, xã hội càng phát triển thì nội dung giáo dục càng phong phú, hiện đại và tinh tế.

#### **2.2. Nội dung giáo dục ở trường phổ thông**

##### **2.2.1. Giáo dục ý thức công dân**

###### **2.2.1.1. Các khái niệm cơ bản**

a. *Công dân*: Công dân là khái niệm pháp lí, thể hiện quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân đối với nhà nước, xã hội và giai cấp.

\* *Đặc trưng của phạm trù công dân*:

- Công dân là con người thuộc về một quốc gia nhất định.
- Công dân có quyền lợi, nghĩa vụ nhất định đối với nhà nước, xã hội mà cá nhân đó tham gia.

- Được nhà nước bảo hộ về mọi mặt theo qui định của pháp lí.

b. *Ý thức công dân*: Là phạm trù tinh thần thể hiện trình độ nhận thức của công dân về quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với nhà nước và xã hội.

\* *Đặc trưng của ý thức công dân*

- Thể hiện trong nhận thức, thái độ, hành vi của con người cụ thể trước những qui định do nhà nước ban hành.

- Là phẩm chất quan trọng của nhân cách, là sản phẩm của QTGD và rèn luyện, trải nghiệm trong cuộc sống của mỗi cá nhân

- Nội dung của ý thức công dân rất đa dạng, tập trung ở ba mặt cơ bản: ý thức chính trị - tư tưởng, ý thức pháp luật và ý thức đạo đức.

#### 2.2.1.2. Nội dung giáo dục ý thức công dân

##### a. *Giáo dục ý thức chính trị - tư tưởng*

\* *Chính trị*: Là hình thái ý thức xã hội, phản ánh mối quan hệ của các giai cấp, các quốc gia xung quanh vấn đề lợi ích của giai cấp của quốc gia, thể hiện tập trung ở lợi ích vật chất - kinh tế.

\* *Ý thức chính trị*: Là bộ phận của ý thức xã hội, là hệ tư tưởng của giai cấp cầm quyền. Nội dung ý thức chính trị ở Việt Nam bao gồm:

- Ý thức về chủ quyền quốc gia: nền độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ...
- Ý thức về giai cấp: hiểu biết về đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.
- Ý thức về bổn phận, nghĩa vụ trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



\* *Giáo dục chính trị - tư tưởng*: Là quá trình sư phạm nhằm phát triển nhận thức, hình thành hệ thống thái độ, hành vi chuẩn mực phù hợp với đường lối, quan điểm của Đảng, Nhà nước và mục tiêu phát triển xã hội trong từng giai đoạn phát triển.

\* *Nội dung giáo dục tư tưởng – chính trị cho học sinh*:

- Giáo dục tình cảm yêu nước, yêu quê hương, lòng tự hào dân tộc, lí tưởng xã hội chủ nghĩa.

- Giúp học sinh hiểu rõ phương hướng phát triển kinh tế, văn hóa xã hội của Đảng và Nhà nước, ý thức về xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Rèn luyện thói quen quan tâm những vấn đề chính trị, xã hội diễn ra trong nước và quốc tế; biết nhận xét, đánh giá và đấu tranh chống các tư tưởng phản động, lạc hậu, mê tín, dị đoan...

- Giáo dục ý thức và kĩ năng tham gia các hoạt động chính trị - xã hội ở địa phương.

#### *b. Giáo dục pháp luật*

\* *Pháp luật*: Là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực xã hội được thể chế thành các điều khoản, thể hiện trong các văn bản pháp qui do Nhà nước ban hành, đòi hỏi mỗi công dân phải có bổn phận, nghĩa vụ tuân theo.

\* *Ý thức pháp luật*: Là bộ phận của ý thức xã hội, thể hiện trình độ nhận thức của công dân về hệ thống các quy định về quyền lợi, nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước và những quy định xác nhận tính hợp pháp hay bất hợp pháp của các hành vi cá nhân hay tổ chức xã hội.

\* *Giáo dục pháp luật*: Là QTSP, nhằm hình thành cho học sinh hệ thống quan điểm, thái độ, hành vi sống phù hợp với các điều khoản qui định trong pháp luật.

\* *Mục tiêu giáo dục pháp luật ở trường THCS*

- Giúp học sinh có những hiểu biết cơ bản về pháp luật, về quyền và nghĩa vụ của công dân.

- Xây dựng ý thức đấu tranh chống những biểu hiện vi phạm pháp luật; tuyên truyền, giúp đỡ mọi người thực hiện pháp luật.

- Định hướng hệ thống hành vi, thái độ thích hợp với pháp luật

*\* Nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh THCS*

Được quy định trong các văn bản (Công ước quốc tế về quyền trẻ em, Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, Điều lệ trường học, Luật an toàn giao thông, luật bảo vệ môi trường...). Bao gồm các quyền và nghĩa vụ của trẻ em trong quan hệ với gia đình, nhà trường và xã hội:

- Quyền được nuôi dưỡng, giáo dục, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe và danh dự.

- Quyền được học tập, vui chơi, lao động, tham gia các hoạt động đoàn thể xã hội.

- Nghĩa vụ vâng lời dạy bảo của cha mẹ, thầy cô giáo và kính trọng người lớn, nghĩa vụ học tập và phấn đấu vươn lên để trở thành người có ích cho Tổ quốc.

- Nghĩa vụ tuân theo các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, di sản văn hóa...

*c. Giáo dục đạo đức*

*\* Đạo đức:* Là hình thái ý thức xã hội, là hệ thống các quan niệm về cái thiện, cái ác trong cuộc sống, thể hiện qua các mối quan hệ cơ bản của con người.

Về bản chất, đạo đức là hệ thống các qui tắc, các chuẩn mực do xã hội đề ra và tự giác thực hiện. Đạo đức hình thành và phát triển do nhu cầu cuộc sống xã hội, thực hiện chức năng điều chỉnh hành vi con người.

*\* Tiêu chí đánh giá hành vi có tính đạo đức*

- Tính có ích của hành vi

- Tính tự nguyện, tự giác của hành vi

- Tính không vụ lợi (động cơ đạo đức)

\* *Ý thức đạo đức*: Là ý thức về các mối quan hệ cá nhân trong xã hội, về các chuẩn mực, các qui tắc mang giá trị đạo đức.

\* *Giáo dục đạo đức*: Là quá trình sư phạm, nhằm hình thành và phát triển mặt đạo đức trong nhân cách học sinh, thể hiện trong nhận thức, tình cảm, hành vi và thói quen phù hợp với các chuẩn mực đạo đức.

\* *Nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho học sinh THCS*

- Cung cấp cho học sinh những tri thức cơ bản về các qui tắc, chuẩn mực đạo đức, giá trị đạo đức.

- Hình thành ở các em cảm xúc tích cực đối với việc thực hiện các yêu cầu chuẩn mực đạo đức.

- Tổ chức cho học sinh thực hiện các chuẩn mực đạo đức nhằm rèn luyện cách cư xử, thói quen hành vi đạo đức đúng đắn.

\* *Nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh THCS*

- Giáo dục thái độ đúng đối với xã hội: yêu quê hương, trung thành với Tổ quốc.

- Giáo dục thái độ đúng đối với lao động: tôn trọng người lao động, sẵn sàng tham gia lao động, tiết kiệm sản phẩm lao động...

- Giáo dục thái độ tích cực đối với mọi người xung quanh: nhân ái - yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ người khác, có tinh thần tập thể, thẳng thắn trong phê bình...

- Giáo dục thái độ đúng đắn đối với bản thân học sinh: khiêm tốn, tự trọng, trung thực, lịch sự, tế nhị, lễ phép, kỉ luật, dũng cảm...

2.2.1.3. Các hình thức giáo dục ý thức công dân cho học sinh

a. Thông qua giảng dạy, học tập các môn khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn... giúp học sinh hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và các phẩm chất nhân cách: tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc, tôn trọng và hành động theo đạo đức, pháp luật...

b. Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động công ích và hoạt động xã hội nhân các ngày lễ, hội của đất nước và truyền thống của địa phương nhằm tạo điều kiện cho học sinh rèn luyện và thể hiện hệ thống hành vi phù hợp, qua đó giúp học sinh tích lũy kinh nghiệm, biết kế thừa và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc.

c. Tổ chức các hoạt động đoàn thể phong phú, hấp dẫn, tạo môi trường sinh hoạt, giáo dục chính trị, văn hoá lành mạnh cho học sinh.

d. Tổ chức các phong trào thi đua, các Hội thi văn nghệ, thể dục, thể thao trong và ngoài trường như hội thi “Học sinh thanh lịch”, “Tìm hiểu Luật giao thông”, “Hội khỏe Phù Đổng”... và tham gia các cuộc thi trên các phương tiện thông tin đại chúng...

e. Tổ chức các buổi toạ đàm, sinh hoạt công dân với nhiều chủ đề về đạo đức, pháp luật, môi trường, kỹ năng sống...

f. Phối hợp các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình, các cơ quan bảo vệ pháp luật... thông báo kịp thời các sự kiện chính trị - xã hội, đồng thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi phạm pháp làm ảnh hưởng tới học sinh.

## **2.2.2. Giáo dục văn hoá - thẩm mỹ**

### 2.2.2.1. Giáo dục văn hoá

#### *a. Khái niệm văn hoá, văn minh*

\* *Văn hoá*: Theo nghĩa thông thường, văn hóa là toàn bộ những giá trị tinh thần của cá nhân hay cộng đồng, tạo nên bản sắc giá trị độc đáo, riêng biệt của cá nhân, cộng đồng đó trong quá trình tồn tại và phát triển.

Theo diễn đạt của UNESCO, văn hóa là tổng thể những nét đặc trưng, tiêu biểu nhất của một xã hội, thể hiện trên các mặt vật chất, tinh thần, tri thức và tình cảm.

#### *\* Bản chất của văn hóa*

- Hình thành từ việc học của cá nhân, thông qua giáo dục
- Mang đặc trưng của nhóm, của chủng loại → mang tính cộng đồng, dân tộc
- Là sản phẩm sáng tạo của loài người, không mang tính cá nhân

\* *Văn minh*: Theo nghĩa thông thường, văn minh thể hiện sự tiến bộ của cá nhân hay cộng đồng theo những tiêu chuẩn giá trị phù hợp với thời điểm lịch sử nhất định.

Theo nghĩa khoa học, văn minh là khái niệm đặc trưng cho trình độ nhận thức và cải tạo thế giới của con người ở một thời điểm nhất định.

\* *Đặc trưng của văn minh*

- Liên quan tới việc sáng tạo ra các sản phẩm vật chất trong đời sống xã hội, phản ánh phương thức sản xuất.

- Liên quan tới lối sống và chất lượng sống của con người trong xã hội tại những thời điểm cụ thể.

\* *Quan hệ giữa văn hoá và văn minh*

- Giống nhau: Đều phản ánh sự tiến bộ của đời sống xã hội, trong đó văn hoá là nền tảng của văn minh.

- Khác nhau:

<b>So sánh</b>	<b>Văn hoá</b>	<b>Văn minh</b>
Nguồn gốc	Nông thôn	Đô thị
Bản sắc	Đời sống nông nghiệp	Đời sống đô thị
Cấu trúc	Vật chất và tinh thần (thiên về tinh thần)	Thiên về vật chất, kỹ thuật
Phạm vi	Dân tộc	Quốc tế
Quy luật	Tính truyền thống	Tính hiện đại

*b. Giáo dục văn hoá trong nhà trường THPT*

\* *Khái niệm*: Là quá trình sư phạm, nhằm hình thành cho học sinh những phẩm chất và nếp sống tốt đẹp; đồng thời bồi dưỡng và phát triển khả năng sáng tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần phục vụ cuộc sống cá nhân, gia đình và xã hội.

\* *Nhiệm vụ của giáo dục văn hoá*: Hình thành nếp sống, phong cách sống có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày, trong học tập, lao động. Cụ thể:

- Về nhận thức: Học sinh có hiểu biết cơ bản về các khái niệm liên quan đến vấn đề văn hóa thể hiện trong các mối quan hệ của con người trong cuộc sống.

- Về thái độ, niềm tin: Xây dựng và phát triển các phẩm chất phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc cũng như những giá trị cơ bản về con người thời đại văn minh: tinh thần đoàn kết, hợp tác, yêu thương, giúp đỡ bạn bè trong học tập và tu dưỡng.

- Về hành vi, thói quen: Hình thành hành vi giao tiếp văn minh, lịch sự; Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, cộng đồng, các hoạt động sáng tạo ra giá trị vật chất và tinh thần cho cá nhân và cộng đồng; Thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân và môi trường xung quanh...

#### 2.2.2.2. Giáo dục thẩm mỹ

##### a. Phạm trù thẩm mỹ

\* *Cái thẩm mỹ*: Là phạm trù triết học, phản ánh cái đẹp khách quan của sự vật, hiện tượng tồn tại xung quanh cuộc sống con người.

\* *Cái đẹp*: Là toàn bộ những thuộc tính của sự vật hiện tượng tạo nên những rung cảm thẩm mỹ, làm cho con người tươi vui, trong sáng, kích thích con người hướng đến những giá trị thẩm mỹ mang tính nhân văn, thúc đẩy họ hoạt động sáng tạo thẩm mỹ vì mục tiêu nhân văn.

##### b. Giáo dục thẩm mỹ

\* *Khái niệm*: Là quá trình sư phạm nhằm hình thành, bồi dưỡng cho học sinh nhu cầu và năng lực nhận thức, cảm thụ, đánh giá và hành động theo cái đẹp.

\* *Nhiệm vụ của giáo dục thẩm mỹ*: Trong phạm vi giáo dục ở trường phổ thông, giáo dục thẩm mỹ có các nhiệm vụ sau:

- Bồi dưỡng năng lực tri giác, cảm thụ cái đẹp trong cuộc sống và nghệ thuật.
- Bồi dưỡng năng lực nhận thức và đánh giá cái đẹp trong tự nhiên, xã hội và trong nghệ thuật.

- Xây dựng tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh cho học sinh.
- Kích thích nhu cầu và khả năng sáng tạo cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày, trong lao động, học tập và sinh hoạt tập thể.
- Phát hiện và bồi dưỡng kịp thời những năng lực sáng tạo thẩm mỹ.

#### 2.2.2.3. Con đường giáo dục văn hoá - thẩm mỹ cho học sinh

a. Thông qua việc dạy và học các môn học, đặc biệt là các môn khoa học xã hội và nhân văn, giúp học sinh có biểu tượng đúng về cái đẹp, nhận ra giá trị đích thực của văn hóa, văn minh, từ đó có ý thức rèn luyện hành vi, thói quen ứng xử văn hóa.

b. Thông qua xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh: xây dựng nếp sống, sinh hoạt lành mạnh trong gia đình và khu dân cư, tổ chức các hoạt động thi đua học tập rèn luyện thường xuyên trong nhà trường và các đoàn thể học sinh... tạo điều kiện cho học sinh thâm nhập, thể hiện và tích lũy kinh nghiệm ứng xử phù hợp.

c. Thông qua giáo dục nghệ thuật: dạy nghệ thuật, tổ chức các cuộc thi văn nghệ, thời trang, nữ công gia chánh... giúp học sinh cập nhật những tri thức về thơ - ca - nhạc - họa, về nét đẹp học đường, hình thành cảm xúc thẩm mỹ, đồng thời kích thích học sinh sáng tạo những giá trị thẩm mỹ.

d. Thông qua tiếp xúc với thiên nhiên: tổ chức du lịch, tham quan, cắm trại... tạo cơ hội để học sinh tiếp xúc thiên nhiên, tìm hiểu về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa của địa phương, từ đó giáo dục tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào về truyền thống dân tộc, hình thành và phát triển những cảm xúc, những biểu tượng thẩm mỹ đa dạng, làm cơ sở để sáng tạo nghệ thuật.

e. Thông qua tổ chức lao động, học sinh phát hiện ra những thuộc tính thẩm mỹ trong đối tượng và hoạt cảnh lao động, đặc biệt qua những mối quan hệ đoàn kết, hợp tác lao động... học sinh có điều kiện thể hiện và rèn luyện phong cách ứng xử mang giá trị văn hóa – thẩm mỹ.

## 2.2.3. Giáo dục lao động - hướng nghiệp

### 2.2.3.1. Giáo dục lao động

#### a. Một số khái niệm

\* *Lao động*: Là hoạt động đấu tranh của con người, trong đó con người sử dụng năng lực bản chất và những công cụ lao động nhất định để tác động lên đối tượng nhất định nhằm tạo ra sản phẩm vật chất, tinh thần đáp ứng nhu cầu tồn tại, phát triển của cá nhân và cộng đồng xã hội.

\* *Giáo dục lao động*: Là quá trình sư phạm, nhằm hình thành cho học sinh hệ thống tri thức, thái độ và kỹ năng lao động cần thiết để các em trở thành người lao động sáng tạo trong tương lai.

#### b. Nhiệm vụ giáo dục lao động cho học sinh THCS

- Giáo dục học sinh ý thức đối với lao động: xem lao động là quyền lợi, là nghĩa vụ của người công dân.

- Hình thành niềm tin, thái độ đúng đắn đối với lao động: yêu quý, tôn trọng người lao động, trân trọng thành quả lao động, tích cực học tập, rèn luyện...

- Cung cấp hệ thống tri thức cơ bản về các loại hình lao động phổ biến, nguyên tắc chung và những kỹ năng sử dụng một số công cụ lao động phổ thông.

- Tạo điều kiện để học sinh vận dụng tri thức, kỹ năng vào cuộc sống, hình thành thói quen và kỹ năng lao động tự phục vụ, phục vụ gia đình, nhà trường.

#### c. Nguyên tắc giáo dục lao động ở bậc phổ thông

- Giáo dục lao động cho tất cả học sinh. Đảm bảo cho mỗi học sinh khi lớn lên đều trở thành người lao động hữu ích.

- Lao động phải vừa sức. Đảm bảo phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, giới tính và sức khỏe của học sinh.

- Lao động có kế hoạch, tiến hành thường xuyên, hệ thống với nhiều hình thức đa dạng, hấp dẫn, thu hút học sinh tham gia.



- Giáo dục lao động phải đảm bảo kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, phát huy tư duy kĩ thuật, óc sáng tạo của học sinh.

- Giáo dục lao động gắn với thực tiễn cuộc sống xã hội; đồng thời hoạt động lao động phải tạo ra giá trị vật chất, tinh thần phục vụ cho lợi ích xã hội.

#### *d. Hình thức giáo dục lao động chủ yếu cho học sinh THCS*

- Thông qua các môn học tự nhiên, xã hội – nhân văn, kĩ thuật và công nghệ, giới thiệu hệ thống tri thức cơ bản về các ngành nghề trong xã hội, qua đó giáo dục học sinh ý thức, thái độ đối với lao động, đồng thời góp phần hình thành kĩ năng, kĩ xảo thực hành và óc tư duy kĩ thuật.

- Tổ chức cho học sinh trực tiếp tham gia lao động như lao động tự phục vụ, lao động công ích, lao động sản xuất...

- Tổ chức tham quan lao động ở các cơ sở sản xuất có trình độ công nghệ cao để học sinh quan sát qui trình sản xuất, học tập kĩ thuật, tạo tâm thế tham gia lao động.

- Tổ chức các hội thi: khéo tay hay làm, thi cắm hoa, nữ công gia chánh, triển lãm sản phẩm khéo tay... nhân các ngày lễ, hội, ngày kỉ niệm.

#### **2.2.3.2. Giáo dục hướng nghiệp**

##### *a. Khái niệm*

Giáo dục hướng nghiệp là những tác động mang tính định hướng nghề nghiệp của tập thể sư phạm nhằm giúp học sinh lựa chọn nghề phù hợp với đặc điểm cá nhân, đặc điểm của nghề và phù hợp với nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

##### *b. Đặc trưng của hướng nghiệp*

- Đó là sự tác động tổng hợp của nhiều lĩnh vực khác nhau: Tâm lí học, y học, giáo dục học, xã hội học, kinh tế học...

- Có sự tham gia của nhiều lực lượng xã hội khác nhau: nhà trường, gia đình, các đoàn thể xã hội...

- Tác động tạo ra sự tương hợp cả ba mặt: Đặc điểm cá nhân; Đặc điểm, yêu cầu của nghề; Nhu cầu của thị trường lao động.

*c. Nhiệm vụ của giáo dục hướng nghiệp*

- Giúp học sinh làm quen với các nghề truyền thống ở địa phương và các nghề cơ bản trong xã hội hiện đại.

- Hình thành ở học sinh hứng thú tìm hiểu thế giới nghề nghiệp.

- Tổ chức cho học sinh học một số nghề truyền thống ở địa phương.

*d. Con đường giáo dục hướng nghiệp cho học sinh THCS*

- Thông qua việc giảng dạy các môn khoa học tự nhiên và kỹ thuật.

- Tổ chức cho học sinh học những nghề phổ thông tại các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề...

- Tổ chức tham quan các nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan văn hoá, xã hội, viện nghiên cứu...

- Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khoá tìm hiểu về nghề nghiệp.

- Tổ chức hội thi “Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp”, hội thi sản phẩm “khéo tay hay làm”... nhân các ngày lễ, hội.

- Tổ chức các trung tâm tư vấn, hướng nghiệp trong các trường trung học cơ sở.

## **2.2.4. Giáo dục thể chất**

### **2.2.4.1. Khái niệm, ý nghĩa của giáo dục thể chất**

*a. Khái niệm*

Giáo dục thể chất là quá trình sư phạm, hướng vào việc hoàn thiện cơ thể con người về mặt hình thái và chức năng, hình thành các kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản; phát triển phẩm chất và năng lực hoạt động thể lực; chuẩn bị cho con người tham gia vào các hoạt động thể chất đa dạng, phong phú của một xã hội phát triển.

*b. Ý nghĩa của giáo dục thể chất*

- Giáo dục thể chất góp phần trực tiếp nâng cao sức khoẻ học sinh để học tập tốt, lao động tốt.

- Chuẩn bị sức khỏe về tinh thần và thể lực để tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Thường xuyên vận động thể dục sẽ làm cho tinh thần minh mẫn, lạc quan, cuộc sống vui tươi, tính tình cởi mở, bao dung...

- Giáo dục thể chất là bộ phận của QTGD nhân cách toàn diện. Có tác dụng thúc đẩy hiệu quả của các mặt giáo dục khác: lao động, văn hóa, thẩm mỹ, đạo đức...

#### 2.2.4.2. Mục đích, nội dung giáo dục thể chất

##### *a. Mục đích giáo dục thể chất ở trường THCS*

- Trang bị hệ thống tri thức cơ bản, khoa học về TDTT, vệ sinh thường thức...

- Hình thành nhu cầu, hứng thú, kỹ năng và thói quen giữ gìn vệ sinh, tập luyện TDTT, nâng cao sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật cho cá nhân và gia đình.

- Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài thể dục thể thao.

##### *b. Nội dung giáo dục thể chất ở trường THCS*

Nội dung giáo dục thể chất ở trường trung học cơ sở được biên soạn thành chương trình môn Thể dục, thống nhất trong cả nước, bao gồm:

- Vận động thể dục thể thao: Đây là nội dung chủ yếu gồm các bài thể dục buổi sáng và giữa giờ, các môn vận động điền kinh như chạy nhảy, các môn bóng bàn, bóng đá, bóng rổ, cầu lông, cờ tướng...

- Vệ sinh nhà trường: Đề cập tới các phong trào rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân và môi trường sống. Nhà trường xây dựng chế độ học tập, nghỉ ngơi hợp lý, tạo ý thức và thói quen sinh hoạt tốt, có kỉ luật.

- Theo dõi, kiểm tra sức khỏe định kì cho học sinh, thực hiện công tác phòng và điều trị bệnh, đảm bảo cho học sinh phát triển tốt.

#### 2.2.4.3. Hình thức giáo dục thể chất cho học sinh

a. Thông qua dạy học môn thể dục trong nhà trường. Đây là con đường quan trọng nhất vì nó cung cấp cho học sinh hệ thống kiến thức về thể dục thể thao, về vệ

sinh và dinh dưỡng, về văn hóa thể chất và các kỹ năng vận động cần thiết để các em tập luyện hiệu quả, nâng cao sức khỏe bản thân.

b. Tổ chức tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ nhằm tăng cường sức khỏe.

c. Tổ chức tập luyện và thi đấu điền kinh, cầu lông, cờ vua,... nhằm xây dựng phong trào rèn luyện thể thao trong nhà trường.

d. Tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí, các hội khoẻ trong trường, giữa các trường trong khu vực, hội thi Phù Đổng ở địa phương và toàn quốc.

e. Tổ chức tham quan, du lịch, cắm trại ở các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử.

g. Tổ chức các Câu lạc bộ ngoại khoá, các chuyên đề giáo dục sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội.

#### **2.2.5. Các mặt giáo dục khác**

Xã hội loài người đang bước vào một nền văn minh mới với sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ và những biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế tri thức. Cùng với xu thế mở cửa, hội nhập và phát triển, thế giới đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn như: chiến tranh và hòa bình, dân số và môi trường, đói nghèo, bệnh tật, tệ nạn xã hội...

Để giáo dục – đào tạo thế hệ trẻ thành những con người mới có khả năng và bản lĩnh thích ứng cao độ với những biến động của xã hội hiện đại, giáo dục trong nhà trường hiện nay đã được bổ sung những nội dung giáo dục mới và có tính cấp thiết như: giáo dục giá trị, giáo dục quốc tế, giáo dục môi trường, giáo dục dân số, giáo dục giới tính, giáo dục phòng chống ma túy, AIDS...

### **Câu hỏi ôn tập và thảo luận:**

1. Trình bày khái niệm và nội dung giáo dục chính trị và giáo dục pháp luật cho học sinh trung học cơ sở.
2. Trình bày khái niệm và các con đường giáo dục ý thức công dân ở trường trung học cơ sở.
3. Phân tích khái niệm, nhiệm vụ và nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở.
4. Nội dung cơ bản của giáo dục văn hóa – thẩm mỹ trong trường trung học cơ sở hiện nay là gì? Có thể thực hiện các nội dung này bằng những con đường nào?
5. Phân tích nhiệm vụ, nội dung của giáo dục lao động – hướng nghiệp và các hình thức thực hiện những nhiệm vụ đó.
6. Trình bày những nội dung và hình thức giáo dục thể chất ở trường trung học cơ sở hiện nay.

### **Bài tập thực hành:**

1. Suu tầm các câu ca dao, tục ngữ nói về cảnh đẹp của thiên nhiên, về truyền thống của quê hương, dân tộc, về tình cảm thầy trò, tình bạn, tình yêu giữa cha mẹ và con cái... Chọn câu hay nhất để đưa ra bình luận trước tập thể.
2. Thiết kế bộ câu hỏi thi tìm hiểu về pháp luật với chủ đề “An toàn giao thông đường bộ”.
3. Thiết kế nội dung tọa đàm với chủ đề tình bạn, tình yêu tuổi học trò.
4. Lập kế hoạch tham quan danh lam thắng cảnh ở địa phương cho lớp chủ nhiệm.
5. Lập kế hoạch tổng vệ sinh lớp học chào mừng ngày Quốc tế lao động 1/5.
6. Viết đề cương cho bài nói chuyện với học sinh lớp chủ nhiệm về đề tài “tác hại của việc hút thuốc lá đối với sức khỏe con người”.

## Chương 3

### CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

#### 3.1. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp (GVCN)

##### 3.1.1. Quan hệ với hiệu trưởng

- Giáo viên chủ nhiệm lớp là người thay mặt hiệu trưởng tổ chức quản lí và giáo dục toàn diện học sinh lớp chủ nhiệm.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp là người chịu trách nhiệm trước hiệu trưởng và hội đồng sư phạm nhà trường về chất lượng giáo dục của lớp chủ nhiệm.

##### 3.1.2. Quan hệ với hội đồng sư phạm

- GVCN lớp là cầu nối giữa tập thể lớp và hội đồng sư phạm nhà trường.

- Giáo viên chủ nhiệm lớp là người đại diện và phối với hội đồng sư phạm tổ chức giáo dục học sinh theo nhiệm vụ và quyền hạn đã qui định.

##### 3.1.3. Quan hệ với cơ quan tự quản và tập thể lớp chủ nhiệm

- GVCN là linh hồn của lớp, là người tập hợp học sinh thành một khối đoàn kết.

- GVCN là người tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh trong lớp chủ nhiệm.

- GVCN là người cố vấn đắc lực cho các tổ chức tự quản (chi đội Thiếu niên và chi đoàn Thanh niên).

##### 3.1.4. Quan hệ với các lực lượng giáo dục ngoài trường

- Giáo viên chủ nhiệm lớp là cầu nối giữa nhà trường với phụ huynh học sinh và các lực lượng giáo dục ngoài xã hội...

- Là người đại diện nhà trường, đóng vai trò chủ đạo trong việc định hướng và phối hợp giáo dục học sinh lớp chủ nhiệm.

⇒ **Tóm lại:** Giáo viên chủ nhiệm lớp vừa là người thay mặt hiệu trưởng, thay mặt nhà trường để quản lí, giáo dục toàn diện học sinh; là cầu nối giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường với tập thể học sinh; đồng thời là người đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của tập thể học sinh.

## **3.2. Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp**

### **3.2.1. Nghiên cứu, nắm vững tình hình học sinh của lớp**

Đây là nhiệm vụ đầu tiên của giáo viên chủ nhiệm lớp. Kết quả nghiên cứu là căn cứ để xây dựng mục tiêu, kế hoạch và tổ chức triển khai các hoạt động giáo dục học sinh một cách phù hợp, hiệu quả.

Công tác nghiên cứu của GVCN thường tập trung vào những nội dung sau:

- Nghiên cứu tình hình học sinh: sĩ số, trình độ chung của lớp, đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, thành phần học sinh giỏi, học sinh cá biệt, quá trình học tập và rèn luyện của từng học sinh...

- Nghiên cứu tình hình chung của lớp: bầu không khí tâm lí, truyền thống, dư luận của lớp, thực trạng học tập và tu dưỡng, tinh thần đoàn kết, phong trào thi đua, những điểm mạnh - yếu của lớp...

- Nghiên cứu tình hình gia đình học sinh: trình độ học vấn, nghề nghiệp của cha mẹ học sinh, hoàn cảnh, mức sống, phương pháp giáo dục của gia đình...

- Nghiên cứu tình hình địa phương: tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh trật tự, chất lượng sống, truyền thống học tập, phong trào xã hội hóa giáo dục...

### **3.2.2. Tổ chức và xây dựng tập thể học sinh vững mạnh**

#### **3.2.2.1. Lí luận về tập thể học sinh**

##### *a. Khái niệm về tập thể học sinh*

*\* Tập thể học sinh là gì?*

Là hình thức liên kết cộng đồng thanh thiếu niên học sinh cùng lứa tuổi, trình độ, thành một tổ chức có kỉ luật, có qui tắc hoạt động chung thống nhất nhằm đạt được mục đích chung trong học tập, rèn luyện, sinh hoạt, vui chơi giải trí.

*\* Dấu hiệu đặc trưng của tập thể học sinh*

- Có mục đích, ý nguyện chung thống nhất. Tập thể hình thành trên cơ sở mục đích chung, phù hợp với lợi ích của thành viên trong tập thể và xã hội. Mục đích chính

là lí do tồn tại của tập thể, đó là trau dồi kiến thức, đạo đức, chuẩn bị những phẩm chất và năng lực cần thiết để tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động xã hội.

- Có chương trình, kế hoạch hoạt động chung. Mục đích chung của tập thể được thực hiện thông qua các hoạt động chung. Đó là cùng nhau học tập, lao động, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí...

- Có cơ quan tự quản. Để tiến hành các hoạt động chung, tập thể học sinh phải được xây dựng thành một tổ chức chặt chẽ, tự quản; đội ngũ cán bộ tự quản do tập thể bầu ra và được phân công trách nhiệm rõ ràng, hoạt động theo cơ chế dân chủ.

- Có kỉ luật vững chắc và dư luận lành mạnh. Kỉ luật tập thể là kỉ luật tự giác, mỗi thành viên tự nguyện tuân theo nội qui, kỉ luật lớp học và điều lệ nhà trường; Dư luận tập thể có khả năng điều chỉnh hiệu quả đối với hành vi của cá nhân, đảm bảo cho mỗi người có điều kiện phấn đấu, phát huy tính tích cực, tự chủ của mình. Có thể nói, kỉ luật vững chắc và dư luận lành mạnh là sức mạnh của tập thể.

- Tập thể học sinh là bộ phận hữu cơ của tập thể nhà trường và xã hội. Tập thể học sinh có quan hệ mật thiết với các tập thể khác, phục tùng và thống nhất giữa lợi ích xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân.

- Thành phần của tập thể học sinh là các em ở cùng độ tuổi, có trình độ tương đương nhau. Sự tồn tại của tập thể được tính theo năm học, khóa học.

#### *\* Các loại tập thể học sinh (TTHS)*

- Tập thể học sinh toàn trường

- Tập thể học sinh theo lớp học

- TTHS mang tính chất của tổ chức quần chúng: Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, các đội, tổ, nhóm chính thức và không chính thức...

#### *b. Chức năng của tập thể học sinh*

##### *\* Chức năng tổ chức*

Tập hợp, lôi cuốn học sinh vào một tổ chức có kỉ luật, nề nếp, với các hoạt động đa dạng để học sinh học tập, rèn luyện và tu dưỡng.



*\* Chức năng giáo dục*

Tập thể học sinh là môi trường, phương tiện giáo dục học sinh. Thông qua các hoạt động và giao lưu phong phú trong tập thể, giúp học sinh hình thành và phát triển những năng lực và phẩm chất nhân cách cần thiết.

*\* Chức năng kích thích, điều chỉnh*

Động viên, khuyến khích tích cực, tự giác của học sinh trong các hoạt động, điều chỉnh hành vi ứng xử trong các mối quan hệ giữa các thành viên.

*c. Các giai đoạn phát triển của tập thể học sinh*

*\* Giai đoạn 1: “Tập thể mới hình thành”*

- Đặc điểm:

- + Tập thể chưa có khả năng tự quản;
- + Các quan hệ trong tập thể còn rời rạc;
- + Chưa có truyền thống, dư luận;
- + Giáo viên chủ nhiệm lớp trực tiếp giải quyết mọi công việc của tập thể.

- Công tác lãnh đạo sư phạm:

- + Đề ra các yêu cầu cụ thể và giải thích tỉ mỉ mọi công việc cho học sinh làm
- + Tổ chức triển khai và chỉ đạo hs thực hiện các yêu cầu
- + Động viên, khích lệ hs hoạt động, đưa chúng vào nề nếp.

*\* Giai đoạn 2: “Tập thể bắt đầu ổn định”*

- Đặc điểm:

- + Ban tự quản là những thành viên tích cực trong học tập, tư dưỡng;
- + Các quan hệ đa dạng trong tập thể được hình thành nhưng có sự phân hoá thành nhiều nhóm khác nhau;
- + Các thành viên trong lớp bắt đầu có sự đòi hỏi lẫn nhau, cùng phấn đấu theo mục tiêu chung;
- + Nề nếp sinh hoạt của tập thể đi vào thể ổn định.

- Công tác lãnh đạo sư phạm:
- + GVCN tổ chức, hướng dẫn tập thể hoạt động thông qua cơ quan tự quản.
- + Tổ chức bồi dưỡng phương pháp hoạt động cho đội ngũ cán bộ lớp, xây dựng uy tín cho họ, tăng cường ảnh hưởng của họ đến tập thể.
- + Kích thích ý thức đoàn kết, thi đua, tạo dư luận lành mạnh.

\* *Giai đoạn 3: “Tập thể ổn định và phát triển ”*

- Đặc điểm:
- + Ban tự quản là những thành viên mẫu mực, có năng lực;
- + Có các phong trào thi đua, hình thành truyền thống tốt đẹp;
- + Tập thể đưa ra yêu cầu đối với từng thành viên, mỗi thành viên tự đưa ra yêu cầu đối với bản thân;
- + Mọi thành viên tích cực hoạt động, sẵn sàng phục vụ cho lợi ích của tập thể, hình thành dư luận rõ rệt, lành mạnh;
- + Các quan hệ trong tập thể thân mật, cởi mở, đoàn kết...

- Công tác lãnh đạo sư phạm:

- + GVCN đóng vai trò cố vấn, tham mưu, chỉ đạo cho cơ quan tự quản hoạt động.
- + GVCN luôn giám sát, kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động.
- + Tiếp tục bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ lớp.
- + Định hướng phấn đấu cho tập thể hoạt động.

3.2.2.2. Thực tiễn xây dựng và phát triển tập thể học sinh của GVCN lớp

*a. Xây dựng bộ máy tổ chức tự quản của lớp*

\* *Tiêu chuẩn đối với cán bộ lớp*

- Học lực khá - giỏi, đạo đức tốt;
- Nhiệt tình, tích cực trong mọi hoạt động;
- Có năng khiếu và kỹ năng quản lý;
- gương mẫu, uy tín, được đa số học sinh bầu chọn.

*\* Cách lựa chọn cán bộ lớp có uy tín và năng lực*

- Chỉ định trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững học sinh lớp phụ trách.
- Tập thể đề cử và bỏ phiếu bầu chọn công khai.

*\* Bồi dưỡng ý thức và năng lực tự quản cho cán bộ lớp*

- GVCN qui định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ của từng loại cán bộ;
- Hướng dẫn từng loại cán bộ về nội dung, phương pháp thực hiện nhiệm vụ;
- Tổ chức các hoạt động để rèn luyện kỹ năng tự quản;
- Theo dõi, động viên, giúp đỡ cán bộ lớp khắc phục khó khăn, nâng cao uy tín của họ trước tập thể.

*\* Nguyên tắc làm việc của GVCN với cán bộ lớp*

- Không làm thay, không áp đặt.
- Có vấn, định hướng, hỗ trợ.
- Đôn đốc, nhắc nhở để cán bộ lớp bám sát mục tiêu.
- Tạo điều kiện phát huy tối đa năng lực của cán bộ lớp.

*b. Thiết lập các mối quan hệ tốt trong tập thể học sinh*

*\* Quan hệ tình cảm:* bạn bè đoàn kết, thân ái, động viên, giúp đỡ nhau trong học tập và tu dưỡng. Các quan hệ này nảy sinh trong hoạt động giao tiếp và nó tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của tập thể. Trong tập thể thường có hai loại nhóm bạn: nhóm chính thức gồm các thành viên cùng tổ, đội... chơi với nhau và nhóm không chính thức, hình thành tự phát do các em hợp nhau về xu hướng, tính cách, tình cảm... thân nhau. GVCN cần lưu ý tận dụng các mối quan hệ này phục vụ cho mục đích giáo dục.

*\* Quan hệ chức năng:* quan hệ liên đới trách nhiệm trong công việc của các thành viên, thể hiện tinh thần hợp tác, tuân thủ các yêu cầu và kế hoạch chung của tập thể. Trong tập thể, mỗi người có vị trí, vai trò và trách nhiệm nhất định trong việc thực hiện nhiệm vụ chung. Xây dựng quan hệ chức năng là tạo điều kiện cho mỗi thành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, đoàn kết, gắn bó, tích cực phối hợp hoạt động để cùng hoàn thành nhiệm vụ chung của tập thể.

\* *Quan hệ tổ chức*: quan hệ của các cá nhân theo nội qui, kỉ luật của tập thể. Tất cả thành viên phải tự giác tuân thủ nội qui lớp học, điều lệ nhà trường, tôn chỉ của các đoàn thể, đảm bảo cho tập thể phát triển đúng hướng và đạt được mục tiêu đã đề ra. Giáo viên chủ nhiệm lớp cần hướng dẫn, giúp đỡ tập thể xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện nội qui đã đề ra.

*c. Xây dựng viễn cảnh, truyền thống và dư luận*

- Xây dựng hệ thống viễn cảnh có hệ thống, hiện thực, phù hợp với học sinh nhằm mang lại niềm vui, hi vọng, động viên học sinh vươn lên để đạt tới.

- Tổ chức nhiều hoạt động ý nghĩa giáo dục để tạo truyền thống tốt đẹp cho lớp. Khuyến khích học sinh giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của lớp, trường.

- Tổ chức các buổi nói chuyện cởi mở, thảo luận, phân tích, đánh giá những sự kiện xảy ra trong lớp và ngoài xã hội nhằm giúp học sinh nhận ra quan điểm đúng, sai để điều chỉnh thái độ, hành vi, rút ra quan điểm chính thống trong tập thể.

*d. Tổ chức tốt các phong trào thi đua*

- Phối hợp với các đoàn thể, các giáo viên bộ môn tổ chức các đợt thi đua nhân các ngày lễ, hội hoặc những sự kiện chính trị - xã hội đột xuất...

- Tổ chức thi đua giữa các tổ, các lớp, khối lớp, các trường trong khu vực...

- Có tổng kết, đánh giá, khen thưởng những cá nhân và tập thể đạt thành tích cao.

### **3.2.3. Tổ chức các hoạt động đa dạng cho tập thể học sinh**

#### 3.2.3.1. Tổ chức các hoạt động học tập cho tập thể học sinh

*a. Hình thành ý thức, thái độ học tập đúng đắn, thói quen đi học đúng giờ, đầy đủ bằng cách:*

- Có mặt trước buổi học 10 phút để nhắc nhở, duy trì nề nếp.

- Thành lập đội “sao đỏ” để theo dõi thi đua giữa các nhóm, tổ trong lớp;

- Tổ chức truy bài theo nhóm đầu giờ học mỗi ngày, giúp học sinh ôn tập nhanh, chuẩn bị sẵn sàng cho ngày học mới.

*b. Đơn đốc học sinh học tập tích cực, nâng cao thành tích bằng cách:*

- Đề ra yêu cầu học tập cho lớp, tổ, nhóm;
- Tổ chức thi đua giữa các tổ, nhóm;
- Bồi dưỡng phương pháp học tập, giới thiệu tài liệu cho học sinh;
- Tổ chức các nhóm ngoại khoá, nhóm tự học;
- Bồi dưỡng học sinh giỏi, kèm cặp học sinh yếu - kém;
- Kiểm tra, đơn đốc tiến trình học tập của học sinh;
- Tổ chức khen thưởng những học sinh tiến bộ;
- Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với gia đình học sinh.

3.2.3.2. Tổ chức hoạt động của các đoàn thể

*a. Tổ chức đoàn thể ở trường THCS gồm:* chi Đội Thiếu niên Tiền phong và chi Đoàn Thanh niên Cộng sản. Đây là các tổ chức độc lập, do các em tự quản.

*b. Nội dung hoạt động của các đoàn thể:* tập nghi thức Đội, sinh hoạt định kì, kỉ niệm ngày truyền thống, kết nạp Đội viên, Đoàn viên, tham quan, du lịch, cắm trại...

*c. Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp:*

- Cùng với tổng phụ trách Đội thiếu niên, bí thư Đoàn thanh niên của trường tham mưu cho các em hoạt động.
- Giúp đỡ chi Đoàn, chi Đội xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác.
- Bồi dưỡng phương pháp tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho lớp hoạt động.
- Quan tâm, thường xuyên kết hợp với chi Đoàn, chi Đội để tổ chức các hoạt động của lớp.

3.2.3.3. Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao

- Tổ chức tốt các hoạt động văn hoá: tổ chức các câu lạc bộ văn hoá, văn nghệ thu hút các em có năng khiếu, hứng thú với văn, thơ, nhạc, họa...; tổ chức các hội thi, hội diễn văn nghệ, các lễ hội truyền thống, giao lưu văn hóa...; tổ chức báo tường, sưu tầm ca dao tục ngữ, các vật phẩm văn hóa...

- Tổ chức tốt các hoạt động thể dục thể thao: duy trì thể dục giữa giờ; thành lập các đội bóng đá, bóng bàn...; thi đấu giữa các nhóm, lớp, khối...; thành lập các câu lạc bộ thể dục, các hội thi, hội thao giữa các trường, địa phương; tổ chức tham quan, du lịch, cắm trại...

- Tổ chức các hoạt động y tế học đường: kết hợp các cơ quan y tế nhằm giáo dục học sinh ý thức giữ gìn vệ sinh, phòng ngừa bệnh tật, bảo vệ môi trường...

### **3.2.4. Phối hợp với các lực lượng giáo dục**

#### **3.2.4.1. Phối hợp chặt chẽ với giáo viên bộ môn**

- Cùng với giáo viên bộ môn thống nhất yêu cầu giáo dục đối với lớp chủ nhiệm;
- Theo dõi sổ sách của lớp để nắm kết quả học tập của lớp đối với từng môn;
- Dự giờ, quan sát thái độ, hứng thú học tập, thăm dò nguyện vọng và những khó khăn của học sinh trong học tập;
- Trao đổi với giáo viên bộ môn về những khó khăn của học sinh, lắng nghe ý kiến góp ý để cùng phối hợp giáo dục.

#### **3.2.4.2. Phối hợp với các lực lượng giáo dục trong trường**

- Kết hợp với các tổ chức Đoàn, Đội phát động các phong trào thi đua nhằm giáo dục toàn diện cho lớp chủ nhiệm;
- Phối hợp với ban giám hiệu, đảm bảo thông tin thông suốt, kịp thời;
- Thường xuyên liên hệ với các cán bộ, nhân viên của trường để tạo điều kiện giúp đỡ học sinh về mọi mặt.

#### **3.2.4.3. Phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài trường**

- Với cha mẹ học sinh: liên lạc thường xuyên bằng cách thăm nhà, điện thoại, gửi thư điện tử, sổ liên lạc... nhằm trao đổi, nắm bắt kịp thời tình hình học tập của học sinh ở trường và ở nhà để phối hợp giáo dục.

- Với Hội phụ huynh học sinh: tổ chức các cuộc họp phụ huynh học sinh theo định kì: đầu năm, cuối học kì 1 và cuối năm học; đồng thời liên lạc thường xuyên với ban đại diện để theo dõi tình hình và thống nhất yêu cầu, biện pháp giáo dục học sinh.

- Với các tổ chức xã hội ở địa phương: tổ chức các cuộc họp liên tịch, các buổi tham quan, báo cáo, tọa đàm, kết nghĩa... cùng với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể, xã hội đóng trên địa bàn để bàn bạc các biện pháp phối hợp xã hội hóa giáo dục; đồng thời vận động thành lập các quỹ hiếu học, quỹ học sinh nghèo vượt khó, hỗ trợ cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

### **3.3. Phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm**

#### **3.3.1. Đặc điểm công tác của giáo viên chủ nhiệm**

- Công tác chủ nhiệm là công tác giáo dục vừa mang tính khoa học, vừa mang tính thực tiễn. Thực chất đó là công tác tổ chức các hoạt động đa dạng và sinh hoạt tập thể cho lớp chủ nhiệm.

- Tập thể học sinh vừa là môi trường, vừa là phương tiện giáo dục. Do đó, công tác chủ nhiệm phải phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cá nhân và cả tập thể học sinh.

- Công tác chủ nhiệm gắn liền với nhiều lực lượng như cha mẹ học sinh, giáo viên bộ môn, các đoàn thể... Vì vậy, giáo viên chủ nhiệm lớp luôn đóng vai trò chủ đạo và phải thường xuyên phối hợp với nhiều lực lượng giáo dục khác.

#### **3.3.2. Phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm**

##### **3.3.2.1. Phương pháp nghiên cứu đối tượng**

Tiến hành quan sát, đàm thoại, điều tra, nghiên cứu hồ sơ, sản phẩm hoạt động của học sinh... để thu thập thông tin về đặc điểm tâm sinh lí của các đối tượng giáo dục, hoàn cảnh gia đình, tình hình kinh tế, văn hóa, giáo dục của địa phương; Dựa vào kết quả nghiên cứu để phân loại học sinh theo học lực, hạnh kiểm, sức khỏe, năng khiếu... Trên cơ sở phân loại có thể định hướng các biện pháp giáo dục phù hợp với từng học sinh và hoàn cảnh cụ thể.

##### **3.3.2.2. Phương pháp vận động quần chúng**

Trên cơ sở nắm vững đối tượng giáo dục, tiềm năng của cộng đồng địa phương, giáo viên chủ nhiệm lớp lập kế hoạch, chương trình hoạt động hấp dẫn, tạo viễn cảnh

tốt đẹp nhằm vận động học sinh tham gia vào hoạt động chung của tập thể để tạo nề nếp, kỉ luật; Vận động gia đình học sinh và các đoàn thể xã hội tham gia thống nhất mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục chung; huy động mọi tiềm lực vật chất và tinh thần hỗ trợ cho các hoạt động của lớp, trường.

#### 3.3.2.3. Phương pháp tổ chức sinh hoạt tập thể

Là phương pháp thiết kế, chỉ đạo tổ chức sinh hoạt cho lớp chủ nhiệm theo các chủ đề giáo dục học đường, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của học sinh. Chính việc tổ chức các buổi sinh hoạt lớp nghiêm túc, có trọng tâm là những vấn đề giáo dục mang tính thời sự sẽ giúp các em nhận ra vai trò của tổ chức, của nội qui tập thể mà chúng đang tham gia, qua đó xác định cho mình những quyền lợi và nghĩa vụ tu dưỡng, phấn đấu vì mục tiêu chung của tập thể.

#### 3.3.2.4. Phương pháp tác động song song

Là phương pháp giáo viên chủ nhiệm không trực tiếp tác động tới từng học sinh mà thông qua dư luận tập thể, qua nội qui, qui chế và hệ thống kỉ luật của lớp; thông qua các thành viên của tập thể như cán bộ lớp, nhóm bạn bè... để tác động đến mỗi cá nhân, đồng thời làm cho các thành viên trong tập thể có trách nhiệm nhắc nhở nhau, tác động lẫn nhau và kiểm tra nhau... Như vậy, giáo viên chủ nhiệm cùng một lúc vừa tác động đến tập thể vừa tác động đến cá nhân học sinh.

#### 3.3.2.5. Phương pháp chăm sóc, giáo dục cá biệt

Là phương pháp nhà giáo dục tác động trực tiếp tới từng học sinh một cách chuyên biệt, đảm bảo tính phù hợp với từng cá nhân về điều kiện tâm sinh lí, hoàn cảnh sống cụ thể... nhằm đưa ra những yêu cầu, cường độ, cách thức tổ chức giáo dục phù hợp với mỗi thành viên.

Phương pháp này còn gọi là phương pháp giáo dục tay đôi. Người giáo viên trực tiếp tác động vào đối tượng, đối diện với đối tượng để cảm hóa, thuyết phục, mệnh lệnh hay cưỡng bức, buộc học sinh phải thực hiện yêu cầu, sửa chữa những lệch lạc, chấp nhận những chuẩn mực hành vi do giáo viên chủ nhiệm đưa ra.



### 3.3.2.6. Phương pháp tổ chức các hoạt động

Nghiên cứu, xây dựng các loại kế hoạch hoạt động theo tiêu và chủ đề đa dạng, phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu, hứng thú của học sinh như kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao thành tích học tập, kế hoạch vui chơi, giải trí cuối tuần, kế hoạch tham quan, du lịch hè... Giáo viên chủ nhiệm lớp kết hợp với phụ huynh và các đoàn thể trong và ngoài nhà trường để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao với nhiều hình thức và nội dung phong phú, hấp dẫn, đem lại giá trị giáo dục cao.

⇒ **Lưu ý:** Các phương pháp nêu trên là phương pháp tác động giáo dục của giáo viên chủ nhiệm lớp đối với học sinh, nó mang tính khái quát. Muốn áp dụng hiệu quả nhất thiết phải sử dụng kết hợp các phương pháp giáo dục đã trình bày ở chương một.

## 3.4. Những yêu cầu đối với giáo viên chủ nhiệm lớp

Giáo viên chủ nhiệm lớp là người thay mặt hiệu trưởng tổ chức quản lý và giáo dục toàn diện tập thể học sinh một lớp học theo mục tiêu của nhà trường. Để làm tốt nhiệm vụ, giáo viên chủ nhiệm cần đạt được một số yêu cầu sau:

### 3.4.1. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người có năng lực chuyên môn tốt

GVCN lớp thường được phân công giảng dạy nhiều tiết ở lớp chủ nhiệm để có điều kiện gần gũi, theo dõi, giúp đỡ học sinh học tập một cách thường xuyên.

Nếu giáo viên chủ nhiệm có trình độ chuyên môn vững vàng, sâu rộng, có phương pháp tổ chức bài dạy hấp dẫn, tạo hứng thú học tập, nâng cao thành tích học tập cho học sinh... thì đồng thời sẽ nâng cao uy tín của bản thân trước học sinh, giúp giáo viên dễ dàng, nhanh chóng cảm hóa được học sinh.

Để giảng dạy tốt, giáo viên chủ nhiệm phải ý thức không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, giảng dạy bằng cả bầu nhiệt huyết, cả lương tâm và trách nhiệm của mình theo tinh thần “Tất cả vì học sinh thân yêu”.

### 3.4.2. Giáo viên chủ nhiệm là người có kinh nghiệm, trình độ nghiệp vụ cao

GVCN là người nắm vững lý luận sư phạm, có hiểu biết đầy đủ về đặc điểm tâm sinh lý học sinh, về nội dung và phương pháp quản lý, giáo dục tập thể, giáo dục cá biệt;

đồng thời phải nắm vững mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường, nắm vững qui chế, qui định về công tác quản lí, cách thức tiến hành phối hợp giữa giáo viên chủ nhiệm với các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường.

Giáo viên chủ nhiệm lớp là người có kĩ năng quản lí và giáo dục học sinh như kĩ năng thiết kế và chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động giáo dục, kĩ năng thiết lập quan hệ tốt với học sinh, gia đình và các cá nhân liên quan, kĩ năng kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục học sinh.

Giáo viên chủ nhiệm lớp là người nhạy bén, linh hoạt, có kinh nghiệm tổ chức các hoạt động phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh thực tế.

### **3.4.3. Giáo viên chủ nhiệm là người có tư cách đạo đức tốt, gương mẫu**

Muốn giáo dục học sinh toàn diện, giáo viên chủ nhiệm lớp phải là người mẫu mực, thực sự là tấm gương sáng về mọi phương diện cho học sinh noi theo.

Bên cạnh những phẩm chất cần có của người giáo viên như lòng yêu nước, giác ngộ xã hội chủ nghĩa và lí tưởng nghề nghiệp, giáo viên chủ nhiệm phải xác định rõ trách nhiệm của mình, luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, yêu thương học sinh, quan tâm chia sẻ công việc của nhà trường và đồng nghiệp, làm chủ bản thân trong công việc và cuộc sống...

### **3.4.4. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người có kĩ năng hoạt động xã hội**

Giáo viên chủ nhiệm lớp là cầu nối giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường với tập thể học sinh. Chức năng này đòi hỏi giáo viên chủ nhiệm phải có kĩ năng giao tiếp, kĩ năng tổ chức hoạt động xã hội, biết động viên, lôi cuốn học sinh vào hoạt động chung của tập thể; vận động, thu hút sự ủng hộ của các lực lượng giáo dục đối với hoạt động của lớp, trường.

Giáo viên chủ nhiệm lớp phải tích cực tham gia các hoạt động văn hóa xã hội, rèn luyện khả năng văn nghệ, thể dục, thể thao. Mạnh dạn, tự tin tổ chức và khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động xã hội, các sinh hoạt văn hóa chung.

⇒ **Tóm lại:** Công tác của giáo viên chủ nhiệm lớp mang nặng tính khoa học và nghệ thuật. Đây là nhiệm vụ nặng nề, đầy khó khăn vất vả, đòi hỏi người giáo viên phải có nghị lực, thực sự yêu thương học sinh, say mê với công việc, không ngừng học tập và rèn luyện để có được những phẩm chất và năng lực cần thiết, đáp ứng yêu cầu khách quan của sự nghiệp giáo dục và sự kì vọng của toàn xã hội.

### **Câu hỏi ôn tập và thảo luận:**

1. Phân tích vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học phổ thông?
2. Phân tích các nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp và mối quan hệ giữa các nhiệm vụ đó.
3. Thế nào là một tập thể? Trình bày các dấu hiệu đặc trưng của tập thể học sinh.
4. Phân tích và chứng minh trình độ phát triển của tập thể lớp anh (chị).
5. Trình bày nội dung và phương pháp xây dựng tập thể học sinh vững mạnh.
6. Thảo luận về những phẩm chất và năng lực cần có của người giáo viên chủ nhiệm lớp. Trình bày những dự kiến của anh (chị) để phấn đấu trở thành giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi trong tương lai.

### **Bài tập thực hành:**

1. Mô tả nội dung và phương pháp tổ chức một hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp chủ nhiệm.
2. Thiết kế nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động theo chủ đề “Chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 8/3”.
3. Thiết kế nội dung phát động đợt thi đua chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.
4. Xây dựng kế hoạch tổ chức đại hội lớp vào đầu năm học, kế hoạch tổ chức buổi sinh hoạt lớp cuối tuần.
5. Lập kế hoạch đi thăm 15 gia đình học sinh tại một thôn cách trường 3 km.
6. Viết một bản báo cáo để đánh giá tình hình giáo dục đạo đức ở lớp chủ nhiệm trong đợt thực tập vừa qua. Theo bạn, cần có những biện pháp gì đối với một số học sinh không có sự tiến bộ về đạo đức.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2011), *Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*, Văn phòng Chính phủ, Hà Nội.
2. Nguyễn Hữu Dũng (1995), *Nhà trường trung học và người giáo viên trung học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Phạm Minh Hạc (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Trần Bá Hoành (2006), *Vấn đề giáo viên – Những nghiên cứu lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Nguyễn Sinh Huy (1998), *Một số vấn đề cơ bản của giáo dục trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Thành Long (2011), *Tìm hiểu luật giáo dục*, NXB Lao động, Hà Nội.
7. Phan Thanh Long và các tác giả (2010), *Lí luận giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
8. Hà Thế Ngữ (2001), *Giáo dục học - Một số vấn đề lí luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Trần Thị Tuyết Oanh và các tác giả (2013), *Giáo trình giáo dục học – Tập 2*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
10. Phạm Trung Thanh (2004), *Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
11. Hà Nhật Thăng (1998), *Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
12. Phạm Viêt Vượng (2005), *Lí luận giáo dục – Dự án đào tạo giáo viên THCS*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
13. Phạm Viêt Vượng (2012), *Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU .....	1
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LÝ LUẬN GIÁO DỤC .....	2
1.1. Quá trình giáo dục (QTGD) .....	2
1.1.1. Khái niệm quá trình giáo dục.....	2
1.1.2. Các thành tố của quá trình giáo dục.....	3
1.1.3. Bản chất của quá trình giáo dục.....	6
1.1.4. Đặc điểm của quá trình giáo dục .....	7
1.1.5. Động lực của quá trình giáo dục.....	9
1.1.6. Logic của quá trình giáo dục .....	11
1.1.7. Tự giáo dục và giáo dục lại.....	13
1.2. Nguyên tắc giáo dục .....	17
1.2.1. Khái niệm chung về nguyên tắc giáo dục.....	17
1.2.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục ở trường phổ thông.....	17
1.3. Phương pháp giáo dục .....	26
1.3.1. Khái niệm phương pháp giáo dục.....	26
1.3.2. Phân loại phương pháp giáo dục.....	26
1.3.3. Hệ thống các phương pháp giáo dục ở trường phổ thông .....	27
1.3.4. Vấn đề lựa chọn và sử dụng các phương pháp giáo dục .....	36
Chương 2. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	38
2.1. Khái niệm nội dung giáo dục .....	38
2.1.1. Định nghĩa nội dung giáo dục.....	38
2.1.2. Cơ sở lựa chọn và thiết kế nội dung giáo dục .....	38
2.2. Nội dung giáo dục ở trường phổ thông .....	38
2.2.1. Giáo dục ý thức công dân .....	38
2.2.2. Giáo dục văn hoá - thẩm mỹ.....	43

2.2.3. Giáo dục lao động - hướng nghiệp .....	47
2.2.4. Giáo dục thể chất .....	49
2.2.5. Các mặt giáo dục khác .....	51
<b>Chương 3. CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP Ở TRƯỜNG THCS .....</b>	<b>53</b>
3.1. Vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp (GVCN) .....	53
3.1.1. Quan hệ với hiệu trưởng .....	53
3.1.2. Quan hệ với hội đồng sư phạm .....	53
3.1.3. Quan hệ với cơ quan tự quản và tập thể lớp chủ nhiệm .....	53
3.1.4. Quan hệ với các lực lượng giáo dục ngoài trường .....	53
3.2. Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp.....	54
3.2.1. Nghiên cứu, nắm vững tình hình học sinh của lớp.....	54
3.2.2. Tổ chức và xây dựng tập thể học sinh vững mạnh .....	54
3.2.3. Tổ chức các hoạt động đa dạng cho tập thể học sinh .....	59
3.2.4. Phối hợp với các lực lượng giáo dục .....	61
3.3. Phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm .....	62
3.3.1. Đặc điểm công tác của giáo viên chủ nhiệm .....	62
3.3.2. Phương pháp công tác của giáo viên chủ nhiệm .....	62
3.4. Những yêu cầu đối với giáo viên chủ nhiệm lớp .....	64
3.4.1. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người có năng lực chuyên môn tốt.....	64
3.4.2. Giáo viên chủ nhiệm là người có kinh nghiệm, trình độ nghiệp vụ cao .....	64
3.4.3. Giáo viên chủ nhiệm là người có tư cách đạo đức tốt, gương mẫu .....	65
3.4.4. Giáo viên chủ nhiệm lớp là người có kỹ năng hoạt động xã hội.....	65
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>67</b>